CHƯƠNG VIII

TÁM KỆ

(*AṬṬHANIPĀTA*)

I. PHẨM KACCĀNI

(*KACCĀNIVAGGA*)

§417. CHUYỆN HIỀN MẪU KACCĀNI (*Kaccānijātaka*) (*J.* III. 422)

Mặc áo trắng và tóc xõa vai...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một người phụng dưỡng mẹ mình.

Chuyện kể rằng, đó là một thiện gia nam tử ở Sāvatthi (Xá-vệ). Khi cha mất, chàng chuyên tâm săn sóc mẹ, hầu hạ mẹ các công việc: Súc miệng, đánh răng, tắm rửa, v.v... và đem cháo cơm, thức ăn cho mẹ.

Bà mẹ bảo:

– Này con, có nhiều phận sự khác trong đời gia chủ, con phải cưới một cô gái con nhà đàng hoàng, cô ấy sẽ săn sóc mẹ để con đi làm công việc khác thích hợp hơn.

– Mẹ ơi, chính vì lợi ích và niềm vui của con mà con hầu hạ mẹ, chứ ai khác có thể hầu để tăng gia sản của ta chứ. Con không màng đến đời sống gia đình. Con muốn phụng sự mẹ, sau khi mẹ qua đời, con sẽ làm ẩn sĩ khổ hạnh.

Bà mẹ cố nài ép con mãi và cuối cùng không cần thuyết phục con hay được con chấp thuận, bà cứ đưa về một cô gái con nhà tử tế. Chàng cưới vợ và sống với nàng vì chàng không muốn trái ý mẹ; thấy chồng rất có hiếu với mẹ nên muốn bắt chước chồng, nàng cũng chăm nom mẹ chồng chu đáo. Nhận thấy lòng tận tụy của vợ, chàng đem về cho nàng mọi thức ăn ngon mà chàng có thể kiếm được.

Theo thời gian, nàng dâu suy nghĩ ngu xuẩn theo kiểu kiêu hãnh của nàng: "Chàng cho ta mọi thức ăn ngon chàng kiếm được, chắc hẳn chàng mong muốn tống mẹ đi cho rảnh, vậy ta sẽ tìm cách làm việc đó." Một hôm, nàng bảo:

– Chàng ơi, mẹ mắng tôi lúc chàng đi vắng.

Người chồng không nói gì. Nàng suy nghĩ: "Ta sẽ chọc tức bà già và làm cho con trai bà ấy không chịu nổi mẹ mình nữa."

Từ đó, nàng đem cháo cho bà hoặc quá nóng hoặc quá lạnh, hoặc quá mặn hoặc quá nhạt. Khi bà lão than phiền cháo quá nóng hay quá mặn, nàng đổ thêm nước lạnh đầy đĩa; rồi khi nghe cháo quá lạnh hoặc quá nhạt, nàng thường kêu to:

– Mới đây mẹ bảo quá nóng và quá mặn, ai chiều chuộng bà cho được!

Lúc tắm rửa, nàng thường dội nước quá nóng lên lưng bà già, nghe bà bảo:

– Con ơi, lưng mẹ bỏng rồi đấy!

Nàng liền dội nước thật lạnh lên bà mẹ, rồi khi nghe bà than phiền, nàng bịa chuyện với hàng xóm:

– Bà già này khi thì bảo nước quá nóng, khi thì bảo nước quá lạnh, ai mà chịu đựng được sự trơ tráo của bà ấy nữa?

Nếu bà già than phiền giường bà đầy rệp, nàng sẽ đem giường ấy ra và giũ mạnh vạt giường của nàng lên đó rồi mang nó về chỗ cũ, bảo bà:

– Tôi đã giũ nó rồi.

Bà già hiền lành lại bị rận rệp cắn nhiều gấp đôi trước kia nên phải ngồi và than phiền bị rệp cắn suốt đêm. Nàng đáp lại:

– Giường mẹ mới được giũ hôm qua và hôm kia nữa, ai có thể chiều chuộng mọi yêu sách của bà già này chứ?

Muốn làm cho con trai bà phản đối mẹ, nàng lại rải đờm dãi, tóc bạc khắp nơi, rồi khi chàng hỏi ai làm cho nhà cửa bừa bãi, dơ bẩn như vậy, nàng thường bảo:

– Mẹ chàng làm đấy nhưng nếu tôi bảo mẹ đừng làm vậy thì mẹ lại la lối lên. Tôi không thể ở chung nhà với một bà chằn như vậy, chàng phải quyết định hoặc mẹ hoặc tôi ở lại đây thôi.

Chàng nghe nàng nói vậy liền bảo vợ:

– Nàng ơi, nàng còn trẻ và có thể ở nơi nào tùy ý, muốn đi đâu thì đi nhưng mẹ tôi già yếu, tôi là chỗ tựa của bà. Vậy nàng hãy đi về với người thân của mình.

Khi nghe vậy, nàng sợ hãi nghĩ thầm: "Chàng không thể xa cách người mẹ rất thân yêu đối với chàng. Còn nếu ta về nhà cũ, ta sẽ sống cuộc đời cô đơn khổ sở. Vậy ta muốn hòa giải với chồng và chăm sóc bà như xưa." Từ đó, nàng làm đúng như thời trước.

Một hôm, vị cư sĩ này đến Kỳ Viên nghe pháp, đảnh lễ bậc Đạo sư xong, chàng đứng một bên. Bậc Đạo sư hỏi có phải chàng vẫn không xao nhãng bổn phận cũ và vẫn tận tụy chăm sóc mẹ già chăng.

Chàng đáp:

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Mẹ con đem về cho con một cô gái để làm vợ trái ý con, nàng ấy đã làm nhiều việc không xứng đáng như vậy.

Rồi chàng kể hết mọi việc cho Ngài nghe:

– Song nàng ấy không thể ly gián mẹ con với con được nên bây giờ nàng ấy lại chăm sóc bà hết sức cung kính.

Bậc Đạo sư nghe chuyện và bảo:

– Ngày nay, ông không nghe theo lời vợ nhưng ngày xưa ông đã bỏ mẹ vì nghe lời vợ xúi giục và nhờ ta đưa bà ấy về lại cho ông chăm nom.

Rồi theo lời thỉnh cầu của chàng, Ngài kể câu chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, có một thanh niên trong gia đình nọ hết lòng chăm sóc mẹ già khi cha cậu từ trần (giống như phần duyên khởi chuyện này, các chi tiết cũng được nêu ra đầy đủ như trên). Nhưng trong trường hợp này, khi người vợ bảo nàng không thể sống với bà chằn kia và chàng phải quyết định một trong hai người phải ra đi, thì chàng theo lời vợ cho rằng mẹ mình có lỗi và bảo:

– Mẹ ơi, mẹ luôn gây chiến trong nhà này, từ nay mẹ đi sống nơi khác tùy ý mẹ.

Bà mẹ nghe vậy, vừa khóc vừa đi đến nhà bạn đâu đó, làm thuê chật vật để sống qua ngày. Sau khi bà ra đi, con dâu bà mang thai sinh con trai, nên thường rêu rao với chồng và hàng xóm rằng việc sinh con ấy chưa hề xảy ra trước kia, khi còn có bà chằn ở trong nhà. Sau khi sinh con, nàng bảo chồng:

– Tôi chưa bao giờ sinh con lúc mẹ chàng còn ở trong nhà, nay tôi đã có con. Như thế chàng có thể thấy rõ bà ấy đúng là bà già chằn thuở trước rồi đó.

Bà già nghe chuyện sinh con trai được con dâu bà xem là do bà ra khỏi nhà, liền suy nghĩ: "Chắc chắn thần công chánh đã chết trên đời này. Vì nếu không phải như vậy, những kẻ này đã không sinh con trai và sống sung sướng sau khi đánh đuổi mẹ mình. Ta muốn làm lễ cúng tế thần công chánh đã chết."

Vì vậy, một ngày kia, bà đem mè xay, gạo cùng một cái nồi và muỗng nhỏ, bà ra nghĩa địa đốt lửa trong cái lò làm bằng ba sọ người, rồi bà xuống suối tắm rửa đầu mình, giặt áo quần xong trở lại nơi lò lửa, xõa tóc ra và bắt đầu vo gạo.

Thuở ấy, Bồ-tát là Thiên chủ Sakka và các Bồ-tát luôn chú tâm cảnh giác. Ngay lúc ấy, ngài nhìn xuống trần gian và thấy bà già khốn khổ kia đang làm lễ tống táng thần công chánh như thể thần công chánh đã chết. Muốn chứng tỏ uy lực của ngài trong sự cứu giúp bà, ngài giáng trần giả dạng một Bà-la-môn du hành trên đường. Khi nhìn thấy bà, ngài rời đường cái đến đứng bên bà, bắt đầu câu chuyện bằng cách hỏi:

– Mẹ ơi, người ta thường không nấu cơm trong nghĩa địa. Mẹ định làm gì với cơm và mè này khi nấu xong?

Rồi ngài ngâm vần kệ đầu:

1. Mặc áo trắng và tóc xõa vai,
Kaccāni lại nấu nồi sôi.
Gạo mè bà rửa đằng kia đó,
Bà có dùng không lúc chín rồi?

Bà ngâm vần kệ thứ hai nói cho ngài biết:

2. Đại sĩ ơi, tôi chẳng muốn ăn,
Mè xay và cả món cơm hầm.
Giờ đây đã chết thần công chánh,
Tôi muốn cúng dâng lễ tế thần.

Thiên chủ, hiện thân của thần công chánh, đáp vần kệ thứ ba:

3. Khi quyết định, bà phải nghĩ suy,
Bà nghe ai nói vọng ngôn kia?
Ngài Ngàn mắt ấy đầy uy lực,
Công chánh thần không thể chết đi.

Nghe ngài nói, bà già ngâm đôi vần kệ tiếp theo:

4. La-môn, tôi chứng kiến rành rành,
"Công lý chết rồi" tôi phải tin,
Tất cả kẻ nào theo ác hạnh,
Hiện giờ đang hưởng đại phồn vinh.

5. Dâu của tôi ngày trước hiếm hoi,
Đánh tôi, rồi lại đẻ con trai,
Nó thành bà chủ trong nhà ấy,
Tôi bị lãng quên, bị bỏ rơi.

Thiên chủ Sakka liền ngâm vần kệ thứ sáu:

6. Không phải đâu, ta sống mãi mà,
Nay ta giáng thế chính vì bà.
Dâu bà đánh mẹ, song dâu cháu,
Sẽ hóa tro trong lửa của ta.

Nghe thế, bà lão kêu to:

– Than ôi, ngài vừa nói gì thế? Tôi sẽ cố sức giúp cháu tôi khỏi chết.

Rồi bà ngâm vần kệ thứ bảy:

7. Thiên chủ, mong sao hợp ý ngài,
Vì tôi, ngài đến tự trên trời.
Ước mong đôi trẻ và thằng cháu,
Được sống đời hòa thuận với tôi.

Sau đó, Thiên chủ Sakka ngâm vần kệ thứ tám:

8. Kātiyāni sẽ mãn nguyện, vì bà
Bị đánh, song bà tin tưởng ta,
Công chánh, vậy cùng con, cháu nội
Sống đời hòa thuận ở trong nhà.

Bấy giờ, sau khi nói xong, Thiên chủ Sakka hiện ra đủ mọi vẻ uy nghi của ngài, dùng thần lực đứng trên không và nói:

– Kaccāni, bà đừng sợ, nhờ thần lực của ta, con và dâu bà sẽ đến đây đem bà về nhà; hãy sống hòa thuận với chúng!

Rồi ngài trở về cõi của ngài. Nhờ uy lực của Thiên chủ, con và dâu bà nghĩ đến mọi tính tốt của bà trước kia và đi tìm khắp thôn làng, họ thấy bà đã đi về phía nghĩa địa. Họ theo con đường ấy và gọi bà, khi gặp lại bà, họ quỳ xuống chân bà xin lỗi và được bà tha thứ lỗi lầm cũ. Bà vui mừng chào đón cháu nội. Vì vậy, tất cả họ cùng hoan hỷ trở về nhà và từ đó sống chung với nhau.

9. Với con dâu thảo lại vui mừng,
Bà lão Kātiyāni đã sống chung.
Thiên chủ giải hòa xung đột cũ,
Cháu con săn sóc thật ân cần.

Vần kệ này được cảm tác do trí tuệ tối thắng của đức Phật.

***

Sau pháp thoại, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật. Khi kết thúc các sự thật, vị cư sĩ được an trú vào Sơ quả (Dự lưu).

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, người cư sĩ phụng dưỡng mẹ mình là người đang phụng dưỡng mẹ ngày nay, người vợ thời ấy là người vợ thời nay và Thiên chủ Sakka chính là Ta.

§418. CHUYỆN TÁM TIẾNG KÊU (*Aṭṭhasaddajātaka*) (*J.* III. 428)

Ngày xưa thường gọi chốn này...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một tiếng động kinh hoàng không phân biệt được mà vua xứ Kosala đã nghe lúc nửa đêm. Hoàn cảnh câu chuyện này đã được tả trong *Chuyện địa ngục Nồi Sắt*.[1]

Tuy nhiên lần này, khi vua hỏi:

– Bạch Thế Tôn, việc trẫm nghe tám tiếng kêu ấy có mang lại điều gì chăng?

Bậc Đạo sư đáp:

– Thưa Đại vương, đừng sợ hãi! Không có mối nguy gì xảy ra cho Đại vương do các tiếng kêu ấy. Những âm thanh kinh hoàng khó phân biệt như thế không chỉ một mình Đại vương nghe được mà các đế vương ngày xưa cũng đã từng nghe những âm thanh tương tự. Và dự định theo lời khuyên của các Bà-la-môn dâng tế lễ bốn loại sinh vật nhưng sau khi nghe các bậc Hiền trí khuyên nhủ, các vua ấy đã thả tự do cho bầy gia súc được thâu góp để tế đàn và truyền đánh trống ra lệnh cấm mọi việc sát sanh.

Rồi theo lời thỉnh cầu của vua, Ngài kể câu chuyện đời xưa.

***

[1] Xem *J.* III. 43, *Lohakumbhijātaka* (*Chuyện địa ngục Nồi Sắt*), số §314.

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh vào một gia đình Bà-la-môn có gia sản đến tám trăm triệu đồng tiền. Khi lớn lên, ngài học mọi ngành nghệ thuật tại Takkasilā. Sau khi cha mẹ qua đời, ngài xem xét tất cả các kho tàng, rồi từ bỏ mọi của cải bằng cách bố thí, đoạn trừ tham dục và đến vùng Tuyết sơn trở thành một vị khổ hạnh chuyên tâm nhập định.

Sau một thời gian, ngài trở về chốn cư trú của quần chúng để tìm muối và giấm, đến tận Ba-la-nại, nghỉ ngơi trong ngự viên. Thời ấy, vua xứ Ba-la-nại nghe tám tiếng kêu lớn trong lúc đang ngủ trên vương sàng khoảng nửa đêm. Đầu tiên, một con hạc kêu trong vườn gần hoàng cung; thứ hai, ngay sau khi hạc kêu, một con quạ cái kêu từ cổng chuồng voi; thứ ba, một con mọt kêu ở nóc hoàng cung; thứ tư, một con chim sơn ca thuần dưỡng kêu trong hoàng cung; thứ năm, một con nai thuần dưỡng cũng kêu tại chỗ ấy; thứ sáu, một con khỉ thuần dưỡng cũng kêu tại đó; thứ bảy, một vị tiểu thần sống trong hoàng cung cất tiếng kêu than và thứ tám, ngay sau khi tiếng kêu cuối cùng ấy, một vị Độc Giác Phật thốt ra một âm thanh đầy hoan lạc khi bay qua mái hoàng cung tiến về phía ngự viên.

Vua rất kinh hãi khi nghe tám tiếng kêu trên. Hôm sau, vua liền tham vấn các Bà-la-môn. Họ đồng đáp:

– Tâu Đại vương, tai họa sắp xảy ra với Đại vương, hãy cho phép chúng thần dâng lễ tế đàn ngoài hoàng cung!

Rồi khi được vua cho phép họ làm điều họ muốn, họ hoan hỷ đến và bắt đầu chuẩn bị tế đàn. Bấy giờ, một đệ tử trẻ tuổi của vị tế sư Bà-la-môn trưởng thượng rất thông thái đa văn, chàng thưa với thầy:

– Bạch Tôn sư, không nên gây nhiều việc sát hại sinh vật độc ác và thô bạo như vậy!

– Này đệ tử, con biết gì về việc này chứ? Cho dẫu chẳng có gì khác xảy ra, chúng ta cũng được ăn một mẻ cá thịt no nê thỏa thích!

– Bạch Tôn sư, đừng vì cái bụng mà tạo ác nghiệp đưa đến tái sanh trong địa ngục!

Nghe vậy, các Bà-la-môn kia tức giận vị đệ tử muốn làm hỏng các mối lợi của họ. Vị đệ tử sợ hãi đáp:

– Thôi được, xin cứ tìm cách lấy thật nhiều cá thịt để ăn.

Rồi chàng rời kinh thành đi tìm một vị khổ hạnh thuần thành có khả năng ngăn cản vua việc tế đàn kia. Chàng vào ngự viên và thấy Bồ-tát, liền kính chào ngài và hỏi:

– Tôn giả không có lòng bi mẫn các sinh vật sao? Vua đã ra lệnh làm tế đàn gây chết chóc cho nhiều sinh vật, Tôn giả không muốn giải thoát cho những sinh linh ấy sao?

– Này thanh niên Bà-la-môn, ta không biết vua nước này, vua cũng không biết ta.

– Bạch Tôn giả, Tôn giả có biết hậu quả của các âm thanh mà nhà vua đã nghe sẽ ra sao chăng?

– Ta biết chứ.

– Nếu Tôn giả biết, tại sao Tôn giả không bảo cho vua?

– Này thanh niên Bà-la-môn, làm sao ta có thể kiêu hãnh đến bảo vua: "Ta biết!", được chứ? Nếu vua đến hỏi ta, ta sẽ bảo cho ngài.

Vị Bà-la-môn trẻ tuổi vội vàng đến cung đình và khi được hỏi có việc gì, chàng bảo:

– Tâu Đại vương, có một vị khổ hạnh biết nguyên nhân các âm thanh mà Đại vương đã nghe. Vị ấy đang ngồi trên vương tòa trong ngự viên và bảo vị ấy sẽ trình bày với Đại vương nếu Đại vương hỏi. Xin Đại vương hãy làm như vậy!

Vua vội vàng đến kính lễ vị khổ hạnh và sau khi ân cần chào nhau, vua ngồi xuống và hỏi:

– Có thật Tôn giả biết nguyên nhân tám tiếng kêu mà trẫm đã nghe chăng?

– Tâu Đại vương, phải.

– Vậy xin Tôn giả nói cho trẫm nghe!

– Tâu Đại vương, không có gì nguy hiểm liên hệ đến các âm thanh kia. Trước hết, có một con hạc trong ngự viên cũ của Đại vương thiếu thức ăn nên đói lả gần chết và thốt tiếng kêu ấy.

Như thế, do tri kiến của ngài, ngài vừa nêu rõ ý nghĩa tiếng kêu của con hạc, vừa ngâm vần kệ đầu.

10. Ngày xưa thường gọi chốn này,
Ao sâu, tôm cá lội đầy tung tăng.
Là nơi cư trú hạc vương,
Tổ tiên ta cũng sống thường trước kia.
Dẫu ăn ếch nhái bây giờ,
Chúng ta không thể xa bờ ao xưa.

– Tâu Đại vương, đó là tiếng kêu của con hạc trong cơn đói lả. Nếu Đại vương muốn nó khỏi đói, xin hãy ra lệnh dọn vườn sạch sẽ và đổ nước đầy ao!

Vua liền bảo một vị triều thần sai người làm việc này.

– Tâu Đại vương, có con quạ cái ở trên cổng chuồng voi của hoàng gia. Nó thốt tiếng kêu thứ hai khóc thương con nó. Đại vương không nên sợ việc này.

Rồi ngài ngâm vần kệ thứ hai.

11. Anh chàng một mắt Bandhura,
Là ai mà cứ phá nhà của tôi?

Bầy chim mới nở, than ôi!
Ai người thân thiện cứu tôi khốn cùng?

Rồi ngài hỏi vua về tên của người trưởng đám quản tượng ở chuồng voi.

– Thưa Tôn giả, tên y là Bandhura.

– Tâu Đại vương, y chỉ có một mắt ư?

– Thưa Tôn giả, phải.

– Tâu Đại vương, có một con quạ làm tổ trên cổng chuồng voi, nó đẻ trứng tại đó và đúng kỳ hạn trứng đã nở thành chim non. Mỗi khi người quản tượng ra vào chuồng voi để chăm sóc voi, y hay lấy cái móc đập vào con quạ và tổ chim non để phá tổ. Con quạ trong lúc nguy khốn chỉ muốn mổ mắt y nên thốt ra tiếng kêu ấy. Nếu Đại vương có thiện ý với nó, xin hãy truyền Bandhura vào chầu và cấm y phá tổ quạ.

Vua truyền gọi Bandhura vào, khiển trách y và giao chuồng voi cho kẻ khác.

– Tâu Đại vương, trên nóc hoàng cung có một con mọt gỗ, nó đã ăn hết gỗ sung tại đó và không thể ăn thứ gỗ cứng hơn. Vì thiếu thức ăn và không thể bò ra ngoài nên nó thốt tiếng kêu thứ ba để than vãn. Đại vương không cần sợ nó.

Rồi nhờ tri kiến của ngài, ngài vừa nêu rõ ý nghĩa tiếng mọt gỗ kêu vừa ngâm vần kệ thứ ba.

12. Ta vừa ăn hết gỗ sung,
Mọi nơi ta đã đi vòng quanh co.
Gỗ nào cứng, mọt khó ưa,
Còn thức ăn khác ở xa dưới mình!

Vua bảo một cung nhân tìm cách giải thoát con mọt.

– Tâu Đại vương, trong cung thất có con chim sơn ca thuần dưỡng nào chăng?

– Thưa Tôn giả, có chứ.

– Tâu Đại vương, con sơn ca ấy héo mòn vì mong mỏi về rừng mỗi khi nó nhớ lại quãng đời cũ:

"Làm sao rời khỏi lồng này,
Làm sao trở lại rừng cây thân tình!"

Vì thế, nó thốt lên tiếng kêu thứ tư, xin Đại vương chớ lo sợ việc ấy!

Rồi ngài ngâm vần kệ thứ tư.

13. Ước gì rời chốn cung đình,
Ước gì giải thoát thân mình tự do,
Hân hoan bay lượn rừng già,
Rồi ta xây tổ của ta trên cành!

Ngâm kệ xong, ngài thêm:

– Tâu Đại vương, chim sơn ca ấy đang mòn mỏi đợi chờ, xin Đại vương thả nó ra!

Vua nghe theo lời ngài.

– Tâu Đại vương, trong cung thất có con nai thuần dưỡng nào chăng?

– Thưa Tôn giả, có chứ.

– Tâu Đại vương, con nai ấy là trưởng đoàn. Nó nhớ nai cái và mòn mỏi vì nặng tình yêu thương nai cái nên nó thốt tiếng kêu thứ năm. Đại vương không nên sợ hãi chuyện ấy.

Rồi ngài ngâm vần kệ thứ năm.

14. Ước gì rời chốn cung đình,
Ước gì giải thoát thân mình vui sao,
Uống dòng nước suối trong veo,
Dẫn đàn nai vẫn bước theo sau mình!

Bậc Đại sĩ làm cho con nai được giải thoát và nói tiếp:

– Tâu Đại vương, có con khỉ thuần dưỡng nào ở trong cung chăng?

– Thưa Tôn giả, có chứ.

– Con khỉ ấy là chúa đàn khỉ ở vùng Tuyết sơn. Nó thích thú bầu bạn với đám khỉ cái. Trước kia nó được một thợ săn tên Bharata đem về đây. Nay nó đang mòn mỏi mong ước trở về chốn cư ngụ xưa nên nó thốt tiếng kêu ấy. Xin Đại vương đừng sợ chuyện này.

Rồi ngài ngâm vần kệ thứ sáu.

15. Lòng ta nặng trĩu dục tình,
Với bao ước vọng thân mình nhiễm ô.
Bharata lạp hộ bắt ta,
Ước mong phước phận lão gia tràn trề!

Bậc Đại sĩ bảo thả con khỉ ra và tiếp tục nói:

– Tâu Đại vương, có vị tiểu thần nào giữ kho báu ở trong cung chăng?

– Thưa Tôn giả, có chứ.

– Tâu Đại vương, vị ấy nhớ lại đời sống cũ với một nữ thần, vợ vị ấy, nên trong lúc đau khổ vì dục vọng đã thốt lên tiếng kêu thứ bảy. Một hôm, vị ấy cùng vợ trèo lên đỉnh non cao. Hai vị lượm hoa và tô điểm cho nhau nhiều loại hoa đủ màu sắc hương vị đặc biệt nên không hề lưu ý rằng mặt trời đang lặn và bóng đêm bao trùm trong khi họ leo xuống. Nữ thần bảo: "Này chàng, trời tối rồi, chàng hãy xuống cẩn thận kẻo ngã." Và vừa nắm tay chồng, nàng vừa đưa chồng xuống. Chính vì nhớ lại các lời nói của vợ mà vị thần này thốt tiếng kêu. Đại vương không cần phải sợ chuyện ấy.

Do tri kiến của ngài, ngài vừa giải thích trường hợp này một cách chính xác vừa ngâm vần kệ thứ bảy.

16. Bóng đêm dày đặc kéo về,
Trên non cao nọ tứ bề cô đơn.

"Xin chàng đừng ngã trượt chơn",
Nàng khe khẽ nhắc bên sườn đá xưa.

Như vậy, bậc Đại sĩ giải thích tại sao vị thần thốt tiếng kêu và ngài bảo thả vị ấy ra, rồi nói tiếp:

– Tâu Đại vương, còn âm thanh thứ tám là tiếng reo cực lạc. Một vị Độc Giác Phật ở động Nandamūla biết rằng các hành (các điều kiện tái sanh) sắp đoạn tận đối với vị ấy, liền đến nơi cư trú của quần chúng và suy nghĩ: "Ta muốn chứng đắc Niết-bàn Vô dư y trong ngự viên của vua xứ Ba-la-nại. Quân hầu của vua sẽ chôn cất Ta, làm lễ cúng dường và cung kính Xá-lợi của Ta, nhờ vậy sẽ sinh lên cõi thiên." Vị ấy dùng thần lực bay đến đây và ngay khi chạm mái hoàng cung, vị ấy liền buông xả gánh nặng sinh tử và ca khúc hoan lạc làm chói sáng lối vào cảnh giới Niết-bàn.

Rồi ngài ngâm vần kệ thứ tám do vị Độc Giác Phật cảm tác.

17. Tái sanh đã tận với Ta,
Không vào thai mẹ từ giờ về sau.
Đây đời cuối ở địa cầu,
Sắp tàn cùng mọi khổ đau phàm trần.

Cùng với những lời cực lạc này, vị ấy đến ngự viên và đắc Niết-bàn Vô dư y dưới gốc cây sāla đang nở rộ hoa.

Rồi bậc Đại sĩ đưa vua đến nơi vị Độc Giác Phật đắc Niết-bàn và chỉ cho vua phần nhục thân của Ngài. Thấy vậy, vua cùng đoàn quân đông đảo đem hương hoa đến cung kính làm lễ cúng dường.

Theo lời khuyên của Bồ-tát, vua đình chỉ việc tế đàn, cho mọi sinh vật được sống, truyền rao trống lệnh khắp kinh thành cấm sát sanh, cử hành đại lễ suốt bảy ngày, rồi làm lễ hỏa táng thân vị Độc Giác Phật rất trọng thể trên hỏa đài chất đầy hương liệu và xây tháp ở ngã tư đường.

Bồ-tát thuyết giảng Chánh pháp cho vua và khuyên nhủ vua tinh cần. Sau đó, ngài trở về Tuyết sơn, thực hành tứ vô lượng tâm (từ, bi, hỷ, xả) và không hề gián đoạn thiền định nên được sinh vào cõi Phạm thiên.

***

Sau pháp thoại, bậc Đạo sư bảo:

– Thưa Đại vương, không có gì nguy hiểm cho Đại vương do các tiếng kêu ấy, vậy hãy đình chỉ tế đàn và ban sự sống cho các sinh vật này!

Rồi vua bảo truyền trống lệnh đi khắp kinh thành tha mạng các sinh vật.

Xong, Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy nhà vua là Ānanda, vị đệ tử Bà-la-môn là Sāriputta và nhà khổ hạnh chính là Ta.

§419. CHUYỆN KIỀU NỮ SULASĀ (*Sulasājātaka*)[2] (*J.* III. 435)

Này đây là chiếc vòng vàng...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một nữ tỳ của ông Cấp Cô Độc.

Chuyện kể rằng vào một ngày lễ hội, khi nàng sắp đi cùng đám gia nhân đến một lạc viên, nàng xin nữ chủ nhân Puṇṇalakkhaṇadevī (Phước Tướng) cho nàng một món nữ trang để đeo. Bà chủ cho nàng một món tư trang của bà trị giá một trăm ngàn đồng tiền. Nàng đeo vào cổ và cùng đám gia nhân đi đến chỗ vui chơi. Một tên trộm thèm món nữ trang kia, với dự định giết nàng để đoạt của, hắn lân la đến nói chuyện với nàng; tại khu vườn kia, hắn cho nàng ăn cá thịt và uống rượu mạnh. Nàng suy nghĩ: "Ta chắc chàng làm vậy vì chàng thích ta." Vào buổi chiều tối khi mọi người nằm xuống nghỉ ngơi sau các cuộc vui chơi, nàng đứng dậy đi tìm hắn. Hắn bảo:

– Này cô nương, chỗ này không kín đáo, ta hãy đi xa hơn một chút!

Nàng suy nghĩ: "Bất cứ việc gì thầm kín đều có thể xảy ra tại nơi này. Chắc chắn anh chàng muốn giết ta và đoạt món nữ trang ta đang đeo. Vậy ta sẽ dạy anh chàng một bài học." Vì thế, nàng bảo:

– Thưa tôn ông, em đang khát nước khô cổ họng vì uống rượu mạnh. Xin hãy kiếm cho em một ít nước!

Rồi đưa hắn đến giếng, nàng vừa bảo hắn kéo nước vừa chỉ cho hắn sợi dây thừng và chiếc gàu. Tên trộm thả gàu xuống. Rồi ngay khi hắn cúi mình để kéo nước lên, cô nữ tỳ vốn rất lực lưỡng, liền đẩy mạnh hắn với đôi bàn tay và hất hắn xuống giếng. Nàng bảo:

– Mi chẳng chết vì cách này đâu.

Rồi ném một cục gạch lớn trên đầu hắn. Hắn chết liền tại chỗ. Khi nàng trở về thành và trả lại bà chủ món nữ trang, nàng bảo:

– Con suýt bị giết hôm nay vì món nữ trang ấy.

Rồi nàng kể toàn bộ câu chuyện. Bà chủ kể lại chuyện với ông Cấp Cô Độc và ông trình với đức Như Lai. Bậc Đạo sư bảo:

– Này gia chủ, đây không phải là lần đầu người nữ tỳ có trí thông minh phát xuất kịp thời mà ngày xưa cũng vậy. Đây không phải lần đầu người này giết kẻ ấy mà trước kia cũng đã có lần giết nó.

Và theo lời thỉnh của ông Cấp Cô Độc, Ngài kể một chuyện đời xưa.

***

[2] Xem *Ap.* II. 560, *Kuṇḍalakesātherīapadāna* (*Ký sự về nữ Tôn giả Kuṇḍalakesā*); *J.* III. 133, *Vānarajātaka* (*Chuyện con khỉ*), số §342; *J.* III. 265, *Kukkuṭajātaka* (*Chuyện kê vương*), số §383; *J.* IV. 56, *Kukkuṭajātaka* (*Chuyện kê vương*), số §448.

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì tại Ba-la-nại, có một kiều nữ của kinh thành tên gọi là Sulasā, làm chủ một đoàn năm trăm kỹ nữ sang trọng, giá mỗi đêm hưởng lạc với nàng là một ngàn đồng tiền.

Cũng trong kinh thành này có một tướng cướp tên Sattuka, khỏe mạnh như voi, vẫn thường đột nhập các nhà giàu vào ban đêm để cướp của thỏa thích. Dân trong thành tụ tập lại lập cáo trạng tâu với vua.

Vua ra lệnh quân lính canh đóng rải rác khắp nơi để bắt tướng cướp và xử trảm. Họ trói tay hắn ra đằng sau và vừa dẫn hắn ra pháp trường vừa đánh roi khắp mình mẩy. Lúc ấy, nàng Sulasā đứng bên cửa sổ nhìn xuống đường, thấy tướng cướp bỗng nhiên đâm ra si tình hắn và suy nghĩ: "Nếu ta có thể giải nguy cho chàng chiến sĩ lực lưỡng này, ta sẽ từ bỏ cuộc đời xấu xa hiện nay của ta và sống chơn chánh với chàng."

Theo cách được tả trong *Chuyện vòng hoa kaṇavera*,[3] nàng lấy lại tự do cho hắn bằng cách gởi một ngàn đồng tiền vàng và đến tặng viên thị trưởng, rồi sau đó sống hạnh phúc hòa hợp với hắn. Sau chừng ba bốn tháng, tướng cướp suy nghĩ: "Ta sẽ chẳng bao giờ có thể ở một nơi như vầy nhưng ta không thể ra đi tay không. Nữ trang của Sulasā trị giá một trăm ngàn đồng tiền. Ta muốn giết nàng và lấy của."

Vì vậy một hôm, hắn bảo nàng:

– Ái nương ơi, khi ta đang bị quân lính nhà vua kéo đi, ta hứa cúng lễ vật cho một vị thần cây trên đỉnh núi, nay vị ấy đang đe dọa ta vì ta không trả lễ. Vậy chúng ta hãy đi dâng lễ thần.

– Thưa lang quân, tốt lắm, chúng ta hãy chuẩn bị lễ vật gửi đi cúng thần.

– Này ái nương, gửi lễ vật cúng thần không công hiệu gì đâu. Chúng ta hãy cùng đi dâng lễ mang theo mọi món tư trang và đám hầu cận.

– Thưa lang quân, được rồi, chúng ta cùng làm vậy.

Hắn bảo nàng chuẩn bị lễ vật và khi họ đến chân núi, hắn bảo:

– Này ái nương, vị thần này thấy đông người sẽ không nhận lễ vật. Vậy hai ta cùng đi lên núi dâng lễ.

Nàng thỏa thuận và hắn bảo nàng mang chiếc bình. Phần hắn đã chuẩn bị hết sức chu đáo. Khi cả hai đến đỉnh núi, hắn đặt lễ vật xuống gốc cây mọc cạnh bờ vực cao gấp trăm lần một người thường và bảo:

– Này ái nương, ta không đến đây để dâng lễ vật, mà ta đến với ý định giết nàng rồi trốn đi với mọi tư trang của nàng. Vậy hãy cởi ra hết và góp thành một bó trong áo khoác của nàng kia.

– Này lang quân, tại sao chàng muốn giết thiếp?

– Vì tiền của nàng đấy.

[3] Xem *J.* III. 58, *Kaṇaverajātaka* (*Chuyện vòng hoa kaṇavera*), số §318.

– Lang quân ơi, hãy nhớ lại mọi việc tốt lành mà thiếp đã làm cho chàng, khi chàng bị xiềng tay chân và kéo đi xử trảm, thiếp đã bỏ một anh chàng nhà giàu chỉ vì chàng và trả một số tiền lớn để cứu chuộc chàng. Dù thiếp có kiếm được một ngàn đồng tiền mỗi ngày, thiếp cũng không nhìn đến một nam nhân nào khác. Thiếp đã làm ân nhân của chàng như vậy. Xin chàng đừng giết thiếp. Thiếp nguyện trao cho chàng thật nhiều tiền và làm nô tỳ cho chàng.

Cùng với lời khẩn cầu này, nàng ngâm vần kệ đầu:

18. Này đây là chiếc vòng vàng,
Này đây ngọc bích cùng tràng hạt trai,
Lấy đi tất cả, chàng ôi,
Xin chàng cho thiếp làm tôi tớ chàng!

Khi ấy, Sattuka ngâm vần kệ thứ hai phù hợp với mục đích của hắn, đó là:

19. Để vàng ngọc xuống, kiều nương,
Và nàng đừng có khóc thương buồn phiền,
Ta nay muốn giết nàng liền,
Vì ta không chắc hưởng tiền hồi môn!

Trí khôn của Sulasā xuất hiện kịp thời, nàng suy nghĩ: "Tên cướp này không muốn cho ta sống. Vậy ta sẽ đoạt mạng hắn trước bằng cách ném hắn xuống vực sâu", và nàng ngâm hai vần kệ tiếp:

20. Suốt bao năm tháng lớn khôn,
Với bao hồi tưởng trong hồn thật chân,
Thiếp thề giữa cõi phàm trần,
Không người nào đã thiết thân hơn chàng!

21. Đến đây lần nữa cuối cùng,
Thiếp xin kính lễ trong vòng bàn tay,
Chẳng bao giờ ở đời này,
Đôi ta gặp mặt từ đây hỡi chàng!

Sattuka không thể hiểu được mục đích của nàng, liền nói:

– Tốt lắm, này ái nương, hãy đến ôm ta trong tay nàng!

Sulasā đi vòng quanh hắn cung kính cúi chào ba lần, vừa hôn hắn vừa bảo:

– Này lang quân, bây giờ, thiếp sắp đảnh lễ chàng tứ phía.

Nàng đặt đầu nàng lên chân hắn, vái chào hai bên xong, đi vòng ra phía sau hắn như thể sắp vái chào hắn tại đó; rồi với sức mạnh như voi, nàng nắm hai cẳng hắn ném hắn lộn ngược đầu xuống dưới vực thẳm của tử thần cao gấp trăm lần một người thường. Hắn tan thây và chết tại chỗ.

Thấy việc này, vị thần trên đỉnh núi ngâm các vần kệ sau:

22. Trí tuệ khôn ngoan cũng lắm khi,
Không dành riêng với bọn nam nhi,

Nữ nhi có thể nhiều minh trí,
Xuất hiện trong tình thế hiểm nguy.

23. Trí tuệ khôn ngoan cũng lắm khi,
Không dành riêng với bọn nam nhi,
Nữ nhi nhanh trí nhiều mưu kế,
Dự định làm công việc kịp thì.

24. Cô nàng bày tỏ trí khôn ngoan,
Hiểu biết tinh thông mọi lối đường,
Đã giết anh chàng này chẳng khác,
Giết con nai với chiếc cung giương.

25. Người nào khi gặp cảnh cùng đường,
Không thể vươn lên để thoát thân,
Sẽ ngã nhào như tên trộm ngốc
Ngã vào trong vực thẳm tan xương.

26. Còn kẻ tinh nhanh ấy sự tình,
Hiểm nguy đến với số phần mình,
Như nàng được thoát thân ra khỏi,
Cừu địch bên mình, đáng hãi kinh.

Như vậy, Sulasā đã giết tên cướp nọ. Khi nàng xuống núi và đứng giữa đám hầu cận, họ hỏi chồng nàng đâu, nàng bảo:

– Đừng hỏi ta nữa!

Rồi leo lên xe, nàng đi thẳng về kinh thành.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, hai kẻ đó chính là hai người bây giờ và vị thần núi ấy chính là Ta.

§420. CHUYỆN NGƯỜI GIỮ NGỰ VIÊN SUMAṄGALA (*Sumaṅgalajātaka*)[4] (*J.* III. 439)

Ý thức giận hờn, nét mặt cau...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về việc khuyến giáo một vị vua. Trong dịp này, theo lời yêu cầu của vua, bậc Đạo sư kể câu chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh làm hoàng tử của chánh hậu. Khi lớn lên, vua cha băng hà, ngài lên làm vua và thực hành đại bố thí. Ngài có một người giữ ngự viên tên là Sumaṅgala.

[4] Xem *Sn.* 56, *Kiṃsīlasutta* (*Kinh Thế nào là giới?*)

Thuở ấy, một vị Độc Giác Phật rời động Nandamūla để du hành khất thực và khi đến Ba-la-nại, Ngài ở lại trong ngự viên. Hôm sau, Ngài vào thành khất thực. Vua đón Ngài với vẻ ân cần đặc biệt, mời Ngài vào cung ngồi trên bảo tòa, thiết đãi đủ món ăn thượng vị loại cứng, loại mềm và nhận lời tùy hỷ công đức của Ngài xong, liền khẩn cầu Ngài hứa một lời rồi truyền đưa ngài trở lại ngự viên.

Sau bữa điểm tâm, vua thân hành đến sắp đặt nơi cư trú để Ngài ở suốt ngày đêm và cho người giữ ngự viên Sumaṅgala đến hầu cận Ngài xong mới trở về thành. Sau đó, vị Độc Giác Phật thường ăn uống tại cung vua và ở lại ngự viên một thời gian dài, còn Sumaṅgala vẫn cung kính hầu hạ Ngài.

Một hôm, Ngài ra đi, bảo Sumaṅgala:

– Ta sắp đi đến làng kia vài ngày, song Ta sẽ trở lại đây. Hãy trình với đức vua!

Sumaṅgala liền trình lên vua việc này. Sau vài ngày ở tại làng kia, vị Độc Giác Phật trở lại ngự viên vào buổi chiều tối. Sumaṅgala không biết Ngài trở lại nên cũng đã đi về nhà. Vị Độc Giác Phật cất y bát, và sau khi dạo chơi giây lát, Ngài ngồi xuống một phiến đá.

Hôm ấy, có vài người khách lạ đến nhà người giữ ngự viên. Muốn nấu món súp và cà-ri đãi khách, y cầm cung đi giết một con nai nuôi trong ngự viên. Y đang tìm nai thì chợt thấy vị Độc Giác Phật, tưởng đó là một con nai lớn, y nhắm một mũi tên và bắn Ngài. Vị Độc Giác Phật mở khăn trùm đầu ra và gọi:

– Sumaṅgala!

Vô cùng xúc động, Sumaṅgala đáp:

– Thưa Tôn giả, con không biết Tôn giả đã về nên bắn Tôn giả vì tưởng là nai. Xin Tôn giả tha thứ cho con!

– Được lắm, nhưng ông sẽ làm gì bây giờ? Này, hãy rút mũi tên ra mau!

Y đảnh lễ rồi rút mũi tên ra. Vị Độc Giác Phật cảm thấy vô cùng đau đớn và đắc Niết-bàn Vô dư y ngay tại đó. Người giữ vườn nghĩ rằng vua sẽ không tha thứ nếu biết chuyện này, y liền đem vợ con trốn đi.

Nhờ thần lực, cả kinh thành đều biết tin vị Độc Giác Phật đã đắc Niết-bàn và mọi người vô cùng xúc động. Hôm sau, một số người vào ngự viên, thấy di hài của Ngài, liền tâu trình vua rằng người giữ ngự viên đã chạy trốn sau khi giết vị Độc Giác Phật.

Vua cùng đông đảo tùy tùng đến lễ bái di hài ấy suốt bảy ngày, rồi hỏa táng trọng thể xong, lấy Xá-lợi và xây tháp thờ. Sau đó, vua vẫn thường cúng dường tháp Xá-lợi và cai trị đúng pháp.

Năm sau, Sumaṅgala quyết đi tìm hiểu xem vua nghĩ về việc này ra sao, y đến yết kiến và hỏi một vị triều thần để xem vua nghĩ gì về y. Vị triều thần ca ngợi Sumaṅgala trước mặt vua nhưng vua làm như thể không nghe gì cả. Ông

không nói thêm nữa nhưng sau đó báo cho Sumaṅgala biết vua không hài lòng về y.

Một năm sau nữa, y lại đến và năm thứ ba, y đem vợ con đến. Vị triều thần biết vua đã nguôi giận nên bảo Sumaṅgala ở cung môn và tâu vua rằng Sumaṅgala đã đến chầu. Vua truyền y vào, sau nghi thức chào mừng, vua hỏi:

– Này Sumaṅgala, tại sao ngươi giết vị Độc Giác Phật là người mà ta đang cúng dường để tạo công đức?

– Tâu Đại vương, tiểu thần không cố ý giết Ngài nhưng chỉ vì duyên cớ này mà tiểu thần phạm tội.

Rồi y kể lại chuyện cũ. Vua bảo y đừng sợ và vừa trấn an y vừa cho y giữ chức ngự viên như cũ.

Sau đó, triều thần hỏi:

– Tâu Đại vương, tại sao Đại vương không trả lời khi nghe những lời ca ngợi Sumaṅgala hai lần trước và lần thứ ba nghe chuyện, Đại vương lại truyền y vào chầu và tha thứ cho y?

Vua phán:

– Này hiền khanh, một vị vua hành động vội vã lúc nóng giận là điều sai lầm. Vì vậy, trẫm im lặng hai lần trước và lần thứ ba khi trẫm hiểu mình đã nguôi giận, mới truyền gọi Sumaṅgala.

Về việc này, ngài ngâm các vần kệ nêu rõ phận sự quân vương:

27. Ý thức giận hờn, nét mặt cau,
Quân vương đừng giáng trận đòn đau,
Những điều bất xứng ngôi Thiên tử,
Sẽ tiếp theo sau cái gật đầu.

28. Ý thức tính tình bớt khắt khe,
Quân vương ban pháp lệnh ra uy,
Khi nào vụ án đà thông hiểu,
Hãy định các hình phạt thích nghi.

29. Không giận mình và chẳng giận ai,
Biết phân biệt rõ đúng và sai,
Dù vua ngự trị trên quần chúng,
Đức hạnh khiến vua vĩ đại hoài.

30. Vua chúa buông lung các việc công,
Thực hành roi trượng chẳng bao dung,
Ô danh dưới thế phần vua hưởng,
Địa ngục đợi chờ lúc mạng chung.

31. Người nào yêu đạo đức hiền nhân,
Trong sạch vẹn toàn khẩu, ý, thân,

Đầy đủ từ tâm, an tịnh, quý,
Vượt qua hai thế giới phàm trần.

32. Trẫm là vua chúa của thần dân,
Sân hận không ngăn cản ý tâm,
Khi trẫm cầm gươm đi trị tội,
Từ tâm thúc đẩy phạt công bằng.

Như vậy, vua đã nêu rõ mọi đức tính của mình qua sáu vần kệ, tất cả triều thần đều hoan hỷ và tán thán các công hạnh của vua qua lời tung hô:

– Các pháp thực hành đức hạnh ưu thắng như vậy thật xứng với Đại vương!

Sau khi cả triều đình tán thán xong, Sumaṅgala cung kính đảnh lễ vua và sau đó ngâm ba vần kệ ca ngợi ngài:

33. Uy lực vinh quang của Đại vương,
Đừng bao giờ bỏ đạo luân thường,
Thoát ly sân hận và kinh hãi,
Trị nước trăm năm mãi lạc an.

34. Vương tử có đầy đức tính trên,
Nhân từ song đạo hạnh trung kiên,
Trị toàn dân với lòng công chánh,
Khi bỏ cõi đời, đến cõi thiên.

35. Lời nói thật chân với thiện hành,
Dùng phương tiện tốt đạt công thành,
Trấn an quần chúng còn dao động,
Như đám mây mưa thật mát lành.

***

Sau bài pháp thoại liên hệ việc giáo hóa vua xứ Kosala, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, vị Độc Giác Phật đắc Niết-bàn Vô dư y, Sumaṅgala là Ānanda và vua chính là Ta.

§421. CHUYỆN NGƯỜI HỚT TÓC GAṄGAMĀLA

(*Gaṅgamālajātaka*)[5] (*J.* III. 444)

Địa cầu nóng rực như than...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về việc thực hành các ngày trai giới.

Một hôm, bậc Đạo sư dạy các cư sĩ đang giữ ngày trai giới và bảo:

[5] Xem *CNid.* 6, *Ajitamāṇavapucchā* (*Câu hỏi của thanh niên Ajita*); *Mnid.* 1, *Kāmasuttaniddeso* (*Diễn giải kinh về dục*); *Mnid.* 22, *Guhaṭṭhakasuttaniddeso* (*Diễn giải kinh nhóm tám về hang*).

– Này các cư sĩ, giới hạnh của các ông thật tốt lành, khi giữ ngày trai giới, các ông phải bố thí, trì giới, không sân hận, khởi tâm từ và thực hành mọi phận sự trong ngày ấy. Các bậc trí nhân ngày xưa đạt đại vinh hiển dầu chỉ nhờ giữ được một phần các ngày trai giới.

Và theo lời thỉnh cầu của họ, Ngài kể câu chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, có một phú thương trong kinh thành tên là Suciparivāra, gia sản lên tới tám trăm triệu đồng, chuyên tâm bố thí và làm các thiện sự khác. Vợ con và toàn thể gia nhân của ông cho đến người chăn trâu bò đều giữ sáu ngày trai giới mỗi tháng.

Thời ấy, Bồ-tát được sinh vào một nhà nghèo, kiếm kế sinh nhai chật vật bằng cách làm thuê. Vì mong có việc làm, ngài đến nhà phú thương Suciparivāra, khi chào chủ xong, ngồi xuống một bên và khi được hỏi đến đây có việc gì, ngài đáp:

– Tôi đến để xin việc làm công trong nhà ông.

Thời ấy, khi những người làm công đến, vị phú thương thường bảo họ:

– Trong nhà này mọi công nhân đều giữ ngày trai giới, nếu chú có thể giữ giới thì chú mới có thể làm việc cho ta!

Song đối với Bồ-tát, vị ấy không tỏ vẻ muốn nói đến chuyện giữ giới mà chỉ bảo:

– Tốt lắm, này thiện nam, chú có thể làm việc cho ta và trù liệu tiền lương của chú!

Từ đó, Bồ-tát làm mọi công việc của phú thương một cách nhẫn nại nhiệt tình, không hề nghĩ đến nỗi mệt nhọc riêng mình, ngài đi làm từ sáng sớm đến chiều tối mới trở về.

Một hôm, dân chúng làm lễ hội ở kinh thành, vị phú thương bảo người tỳ nữ:

– Hôm nay là ngày hội, cô phải nấu cơm cho công nhân thật sớm. Họ sẽ ăn sớm và giữ giới kiêng ăn từ đó đến hết ngày.

Bồ-tát dậy sớm và đi làm việc. Trước đó, không ai bảo ngài phải giữ giới kiêng ăn hôm ấy. Các công nhân kia ăn từ sớm và kiêng ăn. Vị phú thương cùng vợ con, gia nhân đều giữ giới kiêng ăn, mọi người đều trở về nhà riêng ngồi suy tư về các giới điều. Bồ-tát làm việc suốt ngày xong trở về nhà lúc trời tối. Người nữ tỳ đầu bếp đưa cho ngài nước rửa tay và một đĩa cơm lấy từ trong nồi. Bồ-tát bảo:

– Vào giờ này, ngày thường rất ồn ào, thế mọi người đi đâu cả hôm nay?

– Họ đang giữ giới kiêng ăn và mỗi người đều về nhà riêng rồi.

Ngài suy nghĩ: "Ta không muốn làm người duy nhất phạm giới giữa nhiều người giữ giới như vậy." Vì thế, ngài đi hỏi vị phú thương xem có thể giữ giới kiêng ăn bằng cách thi hành mọi phận sự vào giờ đó không. Ông bảo ngài

không thể thực hành mọi phận sự, bởi vì việc đó đã không được làm từ sáng sớm nhưng một nửa phận sự thì có thể làm được. Ngài đáp:

– Mong được như vậy.

Và thực hành phận sự ngay trước mặt chủ nhân, ngài bắt đầu giữ giới kiêng ăn, rồi về nhà nằm suy nghĩ về các giới điều. Vì ngài không ăn gì suốt ngày nên vào canh cuối ngài cảm thấy đau nhói như dao đâm. Vị phú thương mang cho ngài một số thuốc giảm đói và bảo ngài dùng chúng nhưng ngài bảo:

– Tôi sẽ quyết không phá giới kiêng ăn. Tôi đã nguyện trì giới dù phải thiệt mạng!

Cơn đau đớn trở nên mãnh liệt và đến tảng sáng ngài bất tỉnh. Họ bảo ngài sắp chết nên đem ngài ra ngoài, đặt vào một nơi an nghỉ. Ngay lúc ấy, vua xứ Ba-la-nại trên chiếc vương xa cùng đoàn hộ tống đông đảo đến nơi ấy trong lúc diễu quanh kinh thành. Bồ-tát thấy vẻ huy hoàng của vua, sinh lòng ao ước làm vua và cầu nguyện điều ấy. Khi mạng chung, do kết quả việc giữ nửa ngày trai giới trên, ngài được nhập vào mẫu thai vị chánh hậu.

Bà trải qua đủ mọi nghi lễ của thời kỳ thụ thai rồi sinh một hoàng nam sau mười tháng. Hài nhi được đặt tên là Udaya. Khi lớn lên, vương tử trở nên hoàn hảo trong mọi ngành học thuật; nhờ trí hồi tưởng các đời trước, ngài nhớ lại các công hạnh thuở xưa và nghĩ rằng chính nhờ một thiện nghiệp nhỏ tạo nên một phước báo lớn, ngài thường hát khúc ca hoan lạc nhiều lần. Khi vua cha băng hà, ngài được trao cả vương quốc và nhận thấy cảnh đại vinh quang của mình, ngài lại hát khúc ca hoan lạc cũ.

Một hôm, dân chúng chuẩn bị lễ hội trong kinh thành. Một đám đông tụ tập nhau, định bày trò vui chơi giải trí. Một người gánh nước sống gần cổng Bắc thành Ba-la-nại đã giấu nửa đồng xu trong viên gạch ở bức tường bao quanh thành, rồi đến cổng Nam kiếm sống. Tại đây, y sống chung với một người đàn bà nghèo khổ cũng làm nghề gánh nước. Vợ y bảo:

– Chàng ơi, hôm nay có lễ hội trong thành phố, nếu chàng có tiền, ta hãy đi vui chơi nhé!

– Nàng ơi, ta có tiền đấy.

– Bao nhiêu?

– Nửa xu.

– Ở đâu?

– Trong viên gạch bên cổng Bắc cách đây mười hai do-tuần, ta chôn tiền tại đó. Song nàng có gì trong tay chăng?

– Thiếp có đấy.

– Bao nhiêu?

– Nửa xu.

– Vậy nửa xu của nàng và của ta hợp thành một xu. Ta sẽ đi mua một tràng hoa với một phần ba số tiền ấy, hương liệu với một phần ba và rượu nồng với một phần ba. Nàng hãy đi tìm nửa xu ở nơi cất tiền đem đến đây.

Y thích thú với ý tưởng do lời vợ gợi lên, liền bảo:

– Nàng ơi, đừng lo gì, ta sẽ đi tìm nửa xu về đây.

Rồi y ra đi. Y mạnh như voi, vừa đi khoảng hơn sáu do-tuần và mặc dù trời giữa trưa, y vẫn rảo bước trên cát nóng như thể được rải than vừa tắt lửa vì y rất thích thú với nỗi ham muốn được bạc. Trong bộ y phục cũ màu vàng điểm thêm lá thốt nốt giắt bên tai, y vừa đi ngang sân chầu để theo đuổi mục đích của mình vừa ca hát. Vua Udaya đứng bên cửa sổ mở, thấy y đi đến, không biết y là ai mà lại coi thường nắng gió như vậy và còn vừa đi vừa hát, liền bảo nô tỳ đi gọi y vào. Y được lệnh:

– Hoàng thượng truyền gọi ngươi vào!

Nhưng y đáp:

– Hoàng thượng có nghĩa gì với ta chứ? Ta không biết hoàng thượng!

Y liền bị lôi vào và đứng chầu một bên. Sau đó, vua ngâm hai vần kệ hỏi y:

36. Địa cầu nóng rực như than,
Đất đai như đống tro than nóng bừng.
Song ngươi ca hát vang lừng,
Khí trời gay gắt chẳng nung ngươi nào.

37. Mặt trời kia ở trên cao,
Dưới này cát nóng khác nào lò than.
Song ngươi ca hát lừng vang,
Khí trời nắng gắt chẳng làm cháy ngươi.

Nghe lời vua, y liền ngâm vần kệ thứ ba:

38. Chính vì tham dục đốt tôi,
Chứ không phải ánh mặt trời nấu nung.
Chính vì phận sự trong lòng,
Thúc tôi vội vã làm xong mọi phần.

Vua hỏi y có việc gì. Y đáp:

– Tâu Đại vương, hạ thần sống gần cổng Nam với một người vợ nghèo. Vợ thần tỏ ý muốn chúng thần cùng vui chơi lễ hội nên hỏi thử thần có gì trong tay không. Thần bảo thần có tiền của chôn giấu trong bức tường cạnh cổng Bắc. Vợ thần bảo thần đi lấy tiền về để vui chơi. Những lời nói của vợ thần không rời tâm hồn thần và trong khi thần suy nghĩ mãi về chúng, tham dục cứ đốt cháy lòng thần. Công việc của thần là thế đấy.

– Vậy điều gì khiến ngươi thích thú nhiều đến độ ngươi xem thường nắng gió và vừa đi vừa hát?

– Tâu Đại vương, thần hát vì nghĩ rằng khi tìm được của chôn giấu, thần sẽ vui chơi thích thú với vợ.

– Này thiện nam, thế tiền của ngươi chôn giấu bên cổng Bắc được một trăm ngàn đồng tiền chăng?

– Tâu Đại vương, không phải.

Sau đó, vua hỏi liên tiếp có phải năm mươi ngàn, bốn mươi, ba mươi, hai mươi, mười, năm, bốn, ba, hai, một đồng tiền, nửa đồng tiền, bốn xu, ba xu, hai xu, một xu. Chàng trai đều đáp "không", trước các câu hỏi trên và nói:

– Chỉ nửa xu. Quả thực, tâu Đại vương, đó là tất cả gia sản của thần nhưng thần đang hy vọng tìm ra nó rồi đi vui chơi với vợ và trong niềm ước vọng thích thú kia, nắng gió không làm thần khó chịu.

Vua bảo:

– Này thiện nam, thôi đừng đi đến đó dưới nắng gắt này nữa. Ta sẽ cho ngươi nửa xu.

– Tâu Đại vương, thần sẽ nhận lời hứa của Đại vương và lấy tiền nhưng thần sẽ không bỏ nửa xu kia đâu. Thần không bỏ việc đi đến đó đem nó về đâu.

– Này thiện nam, hãy ở lại đây. Trẫm sẽ cho ngươi một xu, hai xu...

Rồi cứ đề nghị thêm nữa, vua tiếp tục nói mười triệu, một ngàn triệu, vô số vàng bạc, nếu chàng trai chịu ở lại nhưng chàng vẫn đáp:

– Tâu Đại vương, thần sẽ nhận tiền của nhưng thần vẫn đi kiếm nửa xu kia!

Sau đó, y được chiêu dụ bằng những lời vua hứa ban chức thủ kho và nhiều chức vụ khác nữa, kể cả chức vị phó vương. Cuối cùng, y được đề nghị chia nửa vương quốc nếu y chịu ở lại. Khi ấy, y mới chấp thuận. Vua bảo các đại thần:

– Này các khanh, hãy đưa hiền hữu của trẫm đi cạo râu, tắm rửa và trang điểm rồi đem người trở lại đây!

Họ tuân lệnh. Vua chia đôi giang sơn và tặng chàng trai một nửa. Song chuyện kể rằng y chọn phần nửa ở phía Bắc do lòng yêu thích nửa đồng xu cũ. Y được gọi là "Vua Nửa Xu". Hai vị vua đồng cai trị đất nước trong tình thân hữu hòa hợp.

Một hôm, hai vị cùng đi đến ngự viên. Sau khi vui chơi, Vua Udaya nằm xuống kê đầu vào lòng Vua Nửa Xu. Ngài ngủ thiếp, trong lúc đám hầu cận đi quanh quẩn vui chơi. Vua Nửa Xu suy nghĩ: "Tại sao ta chỉ được nửa vương quốc mãi thôi? Ta muốn giết vua này và làm vị vua độc nhất."

Vì thế, Vua Nửa Xu rút kiếm ra nhưng khi nghĩ đến việc đâm vua này, Vua Nửa Xu nhớ lại ngài đã đưa bạn mình từ chỗ nghèo hèn thành người đồng trị nước với ngài và ban cho bạn đại quyền lực. Nhận thức tư tưởng vừa khởi lên trong trí dự định giết một ân nhân như thế là vô cùng độc ác, Vua Nửa Xu liền tra kiếm vào bao. Lần thứ hai, rồi lần thứ ba, ý tưởng lại khởi lên. Cảm thấy

tư tưởng này khởi lên mãi sẽ đưa mình đến ác nghiệp, Vua Nửa Xu vứt kiếm xuống đất và đánh thức vua kia dậy, vừa nói vừa quỳ xuống chân ngài:

– Tâu Đại vương, xin hãy tha tội cho tôi!

– Này hiền hữu, bạn có làm gì sai trái với ta đâu.

– Tâu Đại vương, tôi đã làm một việc như vậy.

– Này hiền hữu, thế thì ta tha thứ cho bạn. Nếu như bạn muốn thì cứ làm vua một mình và ta sẽ làm phó vương phụng sự bạn.

Vua Nửa Xu đáp:

– Tâu Đại vương, tôi không cần vương quốc, tham vọng ấy sẽ khiến tôi tái sanh vào cõi dữ. Quốc độ này của Đại vương, xin nhận lấy nó, tôi muốn trở thành người khổ hạnh. Tôi đã thấy gốc rễ của dục tham, nó phát xuất từ ước vọng của con người. Vậy từ nay tôi không còn ước vọng như thế nữa.

Rồi ông ngâm vần kệ thứ tư trong niềm hoan lạc:

39. Nhận ra tham dục nguồn căn,
Ở trong ước vọng tiềm tàng khắp nơi.
Ta không muốn nữa vì ngươi,
Vậy ngươi, tham dục phải rời xa đi!

Nói vậy xong, ông ngâm vần kệ thứ năm thuyết pháp cho quần chúng đang đắm say tham dục:

40. Dục tham ít ỏi chẳng vừa,
Dục tham nhiều chỉ mang ta khổ buồn.
Này, luôn thiểu dục, ngu nhân,
Nếu ngươi muốn đắc trí thông, bạn hiền!

Thuyết pháp như vậy với quần chúng xong, ông giao quốc độ cho Vua Udaya. Rời bỏ quần chúng đang khóc than với nước mắt đầm đìa, ông đến vùng Tuyết sơn, trở thành ẩn sĩ khổ hạnh và đạt thắng trí. Trong thời gian vị ấy làm nhà khổ hạnh, Vua Udaya ngâm vần kệ thứ sáu bày tỏ nỗi hoan lạc trọn vẹn:

41. Thiểu dục đem ta mọi quả thành,
Udaya đạt đại quang vinh,
Người tinh cần được nhiều an lạc,
Làm ẩn sĩ, buông bỏ dục tình.

Không ai biết ý nghĩa vần kệ này. Một hôm, chánh hậu hỏi ngài ý nghĩa trên. Vua không muốn nói. Thời ấy, có người thợ hớt tóc trong triều tên là Gaṅgamāla, mỗi khi tỉa râu cho vua thường dùng dao cạo trước, rồi sau đó nhổ râu bằng cái nhíp.[6] Vua thích việc trước nhưng việc thứ hai làm vua đau. Về việc đầu, vua muốn thưởng cho y một đặc ân; còn việc thứ hai, vua chỉ muốn chém đầu y thôi.

[6] Xem *Cv.* V. 133.

Một hôm, vua nói chuyện với hoàng hậu, ngài bảo rằng người thợ hớt tóc trong triều là một tên ngu xuẩn. Khi hoàng hậu hỏi y phải làm gì trước, ngài bảo:

– Hãy dùng nhíp trước, rồi dùng dao cạo sau.

Hoàng hậu truyền gọi thợ hớt tóc vào và bảo:

– Này thiện nam, khi ngươi tỉa râu cho đức vua, ngươi nên dùng cái nhíp nhổ râu ngài trước, rồi dùng dao cạo sau. Nếu đức vua ban cho ngươi một điều ước, ngươi phải tâu rằng ngươi không cần gì cả, mà ngươi chỉ muốn biết ý nghĩa khúc ca của ngài thôi. Nếu ngươi làm vậy, ta sẽ cho ngươi nhiều tiền. Y đồng ý ngay. Hôm sau, khi y tỉa râu vua, y cầm cái nhíp trước. Vua hỏi:

– Gaṅgamāla, đây là kiểu mới của ngươi ư?

Y đáp:

– Tâu Đại vương, phải, thợ hớt tóc thường có kiểu mới.

Rồi y nhổ râu vua với cái nhíp trước và dùng dao cạo sau. Vua liền ban cho y một điều ước.

– Tâu Đại vương, thần không muốn gì cả. Xin Đại vương cho thần biết ý nghĩa khúc ca ấy.

Vua hổ thẹn khi phải nói đến nghề nghiệp của mình trong thuở hàn vi đời trước, liền bảo:

– Này thiện nam, điều ước kia có ích lợi gì cho ngươi đâu? Hãy chọn điều khác!

Nhưng người thợ hớt tóc cứ van xin điều ấy. Vua sợ thất hứa nên đồng ý. Như đã tả trong *Chuyện phần cháo sữa chua*,[7] vua truyền chuẩn bị mọi sự rất trọng thể rồi ngồi trên bảo tòa bằng ngọc, kể tất cả chuyện công đức trong đời vừa qua tại kinh thành này. Rồi ngài bảo:

– Điều ấy giải thích nửa vần kệ, còn nửa vần kia kể chuyện hiền hữu của ta trở thành nhà khổ hạnh trong lúc ta làm vị vua độc nhất trong niềm tự hào, điều ấy giải thích phần thứ hai của ca khúc hoan lạc ấy.

Nghe vậy, người thợ hớt tóc suy nghĩ: "Như vậy, đức vua được hưởng cả vinh quang này vì đã giữ nửa ngày trai giới. Đức hạnh quả thật là chánh đạo. Giả sử ta cũng trở thành nhà khổ hạnh và tìm đường giải thoát cho ta được chăng?"

Người thợ hớt tóc liền từ giã thân thuộc và tài vật thế gian, rồi xin phép vua trở thành nhà tu hành, đi về vùng Tuyết sơn làm vị khổ hạnh. Khi nhận thức được ba đặc tính của các pháp hữu hình (vô thường, khổ, vô ngã), vị ấy đạt thắng trí và trở thành vị Độc Giác Phật. Vị ấy có đủ các y bát nhờ thần lực.

Sau độ năm sáu năm ở trên Gandhamādana (Hương sơn), vị ấy muốn về thăm vua xứ Ba-la-nại, liền bay qua không trung đến ngự viên, rồi ngồi trên vương tòa. Người giữ vườn trình nhà vua rằng, Gaṅgamāla nay là vị Độc Giác

[7] Xem *J.* III. 406, *Kummāsapiṇḍajātaka* (*Chuyện phần cháo sữa chua*), số §415.

Phật đã phi hành trên không và đang ngồi trong ngự viên. Vua lập tức đến kính chào vị Độc Giác Phật và hoàng thái hậu cũng ra đi với con. Vua vào ngự viên, kính chào vị ấy và ngồi xuống một bên cùng đoàn tùy tùng. Vị Độc Giác Phật thân mật đàm đạo với vua và gọi ngài bằng tộc tánh:

– Này Brahmadatta, hiền hữu có chuyên tâm tinh cần, cai trị nước nhà đúng pháp, thực hành bố thí cùng các thiện sự khác chăng?

Thái hậu liền nổi giận:

– Đứa con người thợ hớt tóc hạ tiện này không biết phận mình. Nó dám gọi hoàng nhi quý tộc của ta là "Brahmadatta."

Rồi bà ngâm vần kệ thứ bảy:

42. Khổ hạnh xả ly hết lỗi lầm,
Thợ ghè, hớt tóc, mọi phàm nhân,
Gaṅgamāla nhờ đó thành vinh hiển,
Liền gọi "Brahmadatta", đấng quốc vương!

Vua vội ngăn cản thái hậu và tuyên bố mọi đặc tính của vị Độc Giác Phật, ngài ngâm vần kệ thứ tám:

43. Nhìn xem, vào lúc phải vong thân,
Khổ hạnh cho ta hưởng phước phần,
Người lễ bái ta trong kiếp trước,
Giờ đây vua chúa phải chào mừng.

Mặc dù vua đã ngăn cản thái hậu nhưng tất cả quần thần đều đứng lên bảo:

– Một người hạ tiện thế này dám xưng hô với Hoàng thượng bằng tên tộc như vậy là không đúng phép tắc.

Vua lại quở trách quần thần và ngâm vần kệ cuối tuyên bố các đức tính của vị Độc Giác Phật:

44. Chớ trách Gaṅgamāla nói thế này,
Bước đường đạo hạnh thiện toàn thay!
Ngài đà vượt đại dương phiền não,
Giải thoát khổ sầu chính tại đây.

Nói vậy xong, vua vái chào vị Độc Giác Phật và xin Ngài tha lỗi cho thái hậu. Vị Độc Giác Phật đồng ý và chúng quần thần của vua cũng được tha thứ luôn. Vua ước mong Ngài hứa về sau sẽ ở lại trong vùng lân cận nhưng Ngài từ chối; rồi đứng trên không trước mắt chúng triều thần, Ngài khuyến giáo vua xong trở về Hương sơn.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư bảo:

– Này các cư sĩ, các vị ấy giữ trai giới là việc cần phải làm.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, vị Độc Giác Phật đắc Niết-bàn Vô dư y, Vua Nửa Xu là Ānanda, thái hậu là mẫu thân Rāhula và Vua Udaya chính là Ta.

§422. CHUYỆN QUỐC VƯƠNG CETI (*Cetiyajātaka*) (*J.* III. 454)

Công lý tổn thương gây hiểm họa...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về việc Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) bị quả đất nuốt sống.

Một ngày kia, Tăng chúng bàn luận trong pháp đường về cách Devadatta nói dối như thế nào rồi bị chìm sâu vào lòng đất và đọa vào ngục Avīci (Vô Gián). Bậc Đạo sư bước vào và khi nghe đề tài thảo luận ấy, Ngài bảo:

– Đây không phải lần đầu kẻ ấy chìm sâu vào lòng đất.

Rồi Ngài kể câu chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi trong thời tối sơ khai, có vị vua mệnh danh là Mahāsammata với thọ mạng kéo dài một a-tăng-kỳ (*asaṅkheyya*) kiếp. Vị vương tử tên là Roja, vị này lại sinh con trai là Vararoja và kế tiếp đó là Kalyāṇa, Varakalyāṇa, Uposatha, Mandhātā, Varamandhātā, Cara, Upacara (còn được gọi là Apacara).

Vua này trị vì quốc độ Ceti, ở kinh đô Sotthivatī, có đầy đủ tứ thần thông: Vua có thể đi trên trời hoặc bay qua không gian, có bốn thiên thần ở bốn phương bảo vệ vua với kiếm tuốt trần, thân hình vua tỏa mùi hương chiên-đàn và miệng vua tỏa mùi hương sen.

Thời ấy, vị tế sư hoàng gia tên là Kapila. Em trai của vị Bà-la-môn này là Korakalamba, được học chung thầy với vua và là bạn cùng chơi với vua. Thời Apacara còn là vương tử, đã hứa sẽ phong Korakalamba làm tế sư hoàng gia khi nào mình lên ngôi.

Khi vua cha băng hà, vương tử lên ngôi song không thể đưa Kapila ra khỏi chức vụ tế sư hoàng gia được và khi tế sư Kapila đến chầu vua, vua vẫn bày tỏ nhiều đặc ân đối với vị ấy. Vị Bà-la-môn ấy quan sát điều này và nhận xét rằng một vị vua thường trị nước hoàn hảo nhất cùng với các quần thần đồng tuổi tác, còn ông có thể xin cáo quan về làm ẩn sĩ, nên đã trình:

– Tâu Đại vương, nay lão thần đã già cả, lão thần có một con trai ở nhà, xin Đại vương phong cho nó làm tế sư hoàng gia và lão thần sẽ trở thành ẩn sĩ.

Ông được vua chấp thuận phong con trai mình làm tế sư hoàng gia. Sau đó, ông đến ngự viên sống đời ẩn sĩ, đạt được các thắng trí và ở gần con trai. Còn Korakalamba cảm thấy căm hận anh mình, vì ông đã không trao cho mình chức vị tế sư khi trở thành ẩn sĩ. Một hôm, vua nói chuyện thân mật với Korakalamba:

– Này Korakalamba, hiền hữu không làm tế sư hoàng gia ư?

– Tâu Đại vương, không, huynh trưởng của thần xếp đặt việc ấy.

– Thế lệnh huynh chẳng trở thành ẩn sĩ rồi sao?

– Tâu vâng, song gia huynh đã để chức vụ ấy cho con mình.

– Thế thì hiền hữu hãy lo sắp xếp việc ấy.

– Tâu Đại vương, thần không thể đặt gia huynh qua một bên rồi nhận lấy chức vụ do cha truyền con nối ấy.

– Nếu vậy, ta sẽ làm hiền hữu thành vị trưởng tế sư và vị kia làm phụ tá cho hiền hữu.

– Tâu Đại vương, bằng cách nào?

– Bằng cách nói dối.

– Tâu Đại vương, thế Đại vương không biết gia huynh là pháp thuật sư cao cường có đại thần lực ư? Gia huynh sẽ dùng huyễn thuật đánh lừa Đại vương, làm cho bốn vị thiên thần biến mất, rồi làm cho một mùi hôi thối xông ra từ thân thể và miệng Đại vương, lại làm cho Đại vương rơi từ trên trời xuống đất và Đại vương sẽ bị quả đất nuốt sống; vì thế Đại vương không thể hành động theo lời nói dối kia được đâu.

– Đừng lo gì, ta sẽ sắp xếp việc này.

– Tâu Đại vương, khi nào Đại vương thực hiện điều này?

– Vào ngày thứ bảy kể từ đây.

Chuyện này lan truyền khắp kinh thành:

– Hoàng thượng sắp nói dối để làm vị trưởng thành phó và sẽ giao chức vụ cho vị phó. Lời nói dối là vật gì nhỉ, nó màu xanh, vàng hay màu khác nữa?

Quần chúng suy nghĩ rất nhiều về việc này. Tương truyền đó là thời mọi người thế gian đều nói thật, người ta không biết từ "nói dối" nghĩa là gì cả.

Con trai vị tế sư nghe chuyện này liền nói với cha:

– Thưa cha, dân chúng bảo đức vua sắp nói dối để làm cha thành con thứ, rồi giao chức vụ của cha cho chú con.

– Này con, đức vua sẽ không thể nói dối để tước đoạt địa vị này của ta đâu. Đức vua sắp thực hiện điều này vào ngày nào?

– Họ bảo vào ngày thứ bảy kể từ đây.

– Hãy báo cho cha biết khi đến thời điểm ấy!

Vào ngày thứ bảy, một đám đông tụ tập trong sân chầu, ngồi theo hàng hàng lớp lớp, hy vọng thấy lời nói dối. Vị tế sư trẻ đi báo tin cho cha. Vua chuẩn bị lễ phục đầy đủ xong, xuất hiện trên không ở sân chầu giữa đám đông.

Vị ẩn sĩ bay qua không gian, trải tọa cụ bằng da trước mặt vua, ngồi trên đó giữa không gian và hỏi:

– Tâu Đại vương, có thật là Đại vương muốn nói dối làm người em thứ thành anh trưởng và giao chức vụ cho người ấy?

– Thưa Tôn sư, trẫm đã làm như vậy.

Sau đó, vị ẩn sĩ khuyến giáo vua:

– Tâu Đại vương, lời nói dối là một cách phá hoại tàn khốc các đức tính tốt đẹp, nó tạo sự tái sanh vào bốn ác đạo; một vị vua nói dối sẽ tiêu diệt công lý và vì phá hủy công lý, chính vua ấy cũng bị tiêu diệt.

Rồi ngài ngâm vần kệ đầu:

45. Công lý tổn thương gây hiểm họa,
Sẽ đền bù với giá tai ương,
Vậy đừng làm tổn thương công lý,
Sợ hiểm nguy ào đến Đại vương.

Ngài lại khuyến giáo vua nhiều hơn nữa:

– Tâu Đại vương, nếu Đại vương nói dối, bốn pháp thần thông sẽ biến mất.

Rồi ngài ngâm vần kệ thứ hai:

46. Thần lực xa lìa kẻ vọng ngôn,
Miệng mồm hôi thối đáng kinh hồn,
Bước chân không vững trong trời đất,
Bất cứ kẻ nào đáp dối gian.

Nghe vậy, vua lo sợ nhìn Korakalamba. Vị ấy bảo:

– Tâu Đại vương đừng sợ, thần đã chẳng tâu Đại vương như vậy từ đầu sao?

Và tiếp theo những lời lẽ tương tự như vậy. Mặc dù đã nghe Kapila nói như vậy, vua vẫn tuyên bố câu xác định:

– Thưa Tôn sư, ngài là em thứ còn Korakalamba là anh trưởng.

Ngay lúc vua vừa thốt ra lời nói dối này, bốn thiên thần bảo rằng các vị không muốn hộ trì một người dối trá như vậy nữa, liền ném kiếm dưới chân vua và biến mất. Miệng vua bốc mùi thối như trứng hư vỡ tung tóe và thân thể vua như ống cống mở nắp. Rồi từ trên không rớt xuống, vua đứng trên đất, như thế cả bốn thần lực đều biến mất. Vị tế sư bảo:

– Tâu Đại vương, đừng sợ, nếu Đại vương nói thật, thần sẽ phục hồi mọi sự cho Đại vương!

Rồi ngài ngâm vần kệ thứ ba:

47. Lời thật cùng bao pháp thuật thần,
Đại vương hồi phục được toàn phần,
Còn lời nói dối giam ngài mãi,
Tại đất Ceti đến tận cùng.

Ngài lại nói:

– Tâu Đại vương, hãy xem, bốn thần lực của Đại vương biến mất vì nói dối lần đầu, xin Đại vương suy xét lại, vì bây giờ vẫn còn có thể phục hồi chúng!

Nhưng vua đáp:

– Đại sư muốn đánh lừa trẫm về việc này.

Vừa nói dối lần thứ hai như vậy, vua liền bị lún ngay xuống đất đến mắt cá chân. Vị Bà-la-môn một lần nữa lại nói:

– Xin Đại vương hãy suy nghĩ kỹ!

Rồi ngài ngâm vần kệ thứ tư:

48. Hạn hán vào thời phải đổ mưa,
Và mưa trút xuống lúc mùa khô,
Khi người nào cố tình gian dối,
Đối đáp vọng ngôn để hại ta.

Rồi ngài lại nói thêm một lần nữa:

– Do Đại vương nói dối, Đại vương bị lún vào mặt đất đến tận mắt cá chân, vậy xin Đại vương suy xét kỹ!

Rồi ngài ngâm vần kệ thứ năm:

49. Lời thật cùng bao pháp thuật thần,
Đại vương hồi phục được toàn phần,
Còn lời nói dối chôn ngài xuống,
Tại đất Ceti mãi tới cùng.

Nhưng lần thứ ba vua nói:

– Tôn giả là em thứ và Korakalamba là anh trưởng.

Vừa nói lời dối trá này, vua lại bị lún dần vào mặt đất đến tận đầu gối. Một lần nữa, vị Bà-la-môn nói:

– Xin Đại vương suy xét lại!

Rồi ngài ngâm hai vần kệ:

50. Người lưỡng thiệt này, hỡi Đại vương,
Cũng như con rắn lắm mưu gian,
Người nào vẫn cố tình lừa dối,
Đối đáp những lời chẳng thật chân.

51. Lời thật cùng bao pháp thuật thần,
Đại vương hồi phục được toàn phần,
Còn lời nói dối chôn ngài xuống,
Tại đất Ceti mãi chẳng ngừng.

Rồi ngài còn nói thêm:

– Ngay bây giờ mọi sự vẫn có thể được phục hồi.

Vua chẳng quan tâm đến lời ngài, vẫn lặp lại lời nói dối lần thứ tư:

– Thưa Tôn giả, ngài là em thứ và Korakalamba là anh trưởng.

Vừa thốt lời này, vua bị chìm ngập đến tận hông. Vị Bà-la-môn lại bảo:

– Xin Đại vương hãy suy nghĩ kỹ!

Rồi ngài ngâm hai vần kệ:

52. Kẻ ấy như con cá, Đại vương,
Sẽ không có lưỡi ở trong mồm,
Người nào vẫn cố tình gian dối,
Đối đáp những lời lẽ vọng ngôn.

53. Lời thật cùng bao pháp thuật thần,
Đại vương hồi phục được toàn phần,
Còn lời nói dối chôn ngài xuống,
Tại đất Ceti mãi chẳng ngừng.

Lần thứ năm vua lặp lại lời nói dối và ngay đó bị chìm sâu xuống tận rốn. Vị Bà-la-môn một lần nữa kêu gọi vua xét kỹ và ngâm hai vần kệ:

54. Kẻ ấy chỉ sinh được gái thôi,
Sẽ không sinh được một con trai,
Kẻ nào vẫn cố tình gian dối,
Đối đáp vọng ngôn ở giữa đời.

55. Lời thật cùng bao pháp thuật thần,
Đại vương hồi phục được toàn phần,
Còn lời nói dối chôn ngài xuống,
Tại đất Ceti mãi chẳng ngừng.

Vua cũng không quan tâm, cứ lặp lại lời nói dối lần thứ sáu và chìm xuống tận ngực. Vị Bà-la-môn kêu gọi khẩn thiết một lần nữa và ngâm hai vần kệ:

56. Bầy con không ở với người kia,
Ở khắp mọi nơi, chúng chạy xa,
Người vẫn cố tình ưa nói dối,
Đáp lời hỏi với dạ gian tà.

57. Lời thật cùng bao pháp thuật thần,
Đại vương hồi phục được toàn phần,
Còn lời nói dối chôn ngài xuống,
Tại đất Ceti mãi chẳng ngừng.

Do thân cận ác bằng hữu, vua xem thường các lời trên và nói dối lần thứ bảy. Sau đó, mặt đất há miệng ra và lửa địa ngục Avīci bùng lên kéo vua xuống.

58. Chuyện kể bị truyền bởi trí nhân,
Vị vua từng bước giữa không trung,
Chìm thân, bị nuốt vào lòng đất,
Ngay đúng ngày quy định số phần.

59. Vậy trí nhân không thể tán đồng,
Dục tham xuất hiện ở trong lòng,
Người nào ly dục, tâm thanh tịnh,
Lời nói sẽ luôn giữ vững vàng.

Đây là hai vần kệ phát xuất từ trí tuệ tối thắng của đức Phật.

Quần chúng kinh hãi bảo nhau:

– Quốc vương Ceti phỉ báng bậc hiền nhân và nói dối nên đã bị đọa vào ngục Avīci.

Năm vị vương tử của vua đến gặp vị Bà-la-môn và nói:

– Xin Tôn sư giúp chúng đệ tử!

Vị Bà-la-môn đáp:

– Phụ vương của các vị đã hủy diệt chân lý, nói dối và phỉ báng hiền nhân. Do vậy, ngài đã vào hỏa ngục Avīci. Nếu công lý bị hủy diệt, nó sẽ hủy diệt lại ta. Các vị không được cư trú tại đây nữa.

Ngài lại bảo vị thái tử:

– Này Điện hạ thân yêu, hãy rời kinh thành bằng cổng Đông và tiếp tục đi thẳng chàng sẽ thấy một vương tượng toàn trắng nằm phủ phục, thân chạm vào mặt đất ở bảy chỗ: Hai ngà, vòi và bốn chân. Đó là dấu hiệu để chàng dựng kinh đô và cư trú tại nơi ấy. Tên kinh đô ấy sẽ là Hatthipura (Tượng thành).

Ngài bảo vương tử thứ hai:

– Điện hạ rời đây bằng cổng Nam và đi thẳng đến khi thấy một vương mã thuần bạch. Đó là dấu hiệu để chàng dựng kinh đô và cư trú tại nơi ấy. Kinh đô ấy sẽ được gọi là Assapura (Mã thành).

Ngài bảo vương tử thứ ba:

– Điện hạ rời đây bằng cổng Tây và đi thẳng tới khi thấy một sư tử có bờm. Đó là dấu hiệu để chàng dựng kinh đô và cư trú tại nơi ấy. Kinh đô ấy sẽ được gọi là Sīhapura (Sư Tử thành).

Ngài bảo vị vương tử thứ tư:

– Điện hạ rời đây bằng cổng Bắc và đi thẳng cho đến khi thấy một bánh xe làm toàn bằng ngọc. Đó là dấu hiệu để chàng dựng kinh đô và cư trú tại nơi ấy. Kinh đô ấy sẽ được gọi là Uttarapañcāla (Thượng Luân thành).

Ngài bảo vị vương tử thứ năm:

– Điện hạ không thể ở đây. Vậy hãy xây một đền thờ lớn trong kinh thành này, rồi đi về phía Tây Bắc và đi thẳng cho đến khi thấy hai ngọn núi đập vào nhau gây tiếng động "daddara". Đó sẽ là dấu hiệu để chàng dựng kinh đô và cư trú nơi ấy. Thành ấy sẽ được gọi là Daddarapura (thành Daddara).

Cả năm vương tử đều ra đi, theo các dấu hiệu kia dựng kinh đô và an trú ở đó.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư bảo:

– Này các Tỷ-kheo, đây không phải là lần đầu Devadatta nói dối và bị chìm vào lòng đất.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, Vua Ceti là Devadatta và Bà-la-môn Kapila là Ta.

§423. CHUYỆN CÁC CĂN (*Indriyajātaka*) (*J.* III. 461)

Người nào tuân lệnh dục tham...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về sự quyến rũ của người vợ cũ đối với một Tỷ-kheo.

Chuyện kể rằng một thiện gia nam tử ở Sāvatthi (Xá-vệ) nghe giáo pháp của bậc Đạo sư và nghĩ rằng thật khó cho một người tại gia có thể sống đời Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ và thanh tịnh, nên ông quyết định xuất gia tu hành theo giáo lý cứu độ để diệt tận khổ ưu. Vì thế, ông để lại tài sản, nhà cửa cho vợ con và thỉnh cầu bậc Đạo sư truyền giới xuất gia cho mình. Bậc Đạo sư chấp thuận.

Vì ông chỉ là Sa-di trẻ tuổi, lúc khất thực cùng các vị Giáo thọ sư, Sư trưởng và Tăng chúng lại đông nên ông không có được ghế ngồi trong nhà cư sĩ hoặc trong trai đường mà chỉ có một ghế thấp nhỏ hoặc ngồi ở dãy ghế dài cuối chỗ các Sa-di. Thức ăn chỉ được múc vội vã cho ông bằng cái muỗng lớn. Ông nhận món cháo tấm, các món cứng thì hôi hám hoặc hư nát, hoặc các cọng rau đã khô héo, cháy sém và phần ăn này không đủ nuôi sống ông.

Ông liền đem các món ăn nhận được về cho người vợ cũ mà ông đã rời bỏ. Nàng cầm lấy bình bát, kính chào ông, đổ hết các thứ ấy ra và thay vào món cháo nấu thật ngon và cơm trộn sốt cà-ri. Vị Tỷ-kheo bị lòng ham thích các hương vị ấy lôi cuốn nên không thể rời người vợ.

Nàng suy nghĩ rằng nàng sẽ thử thách tình cảm của ông. Một hôm, nàng bảo một trai làng chải chuốt sạch sẽ và đến nhà nàng ngồi cùng một đám người nhà của y mà nàng đã mời, rồi nàng cho cả nhóm ăn uống vài thứ. Cả nhóm ngồi ăn chơi thỏa thích. Nàng lại bảo buộc đôi bò vào xe và chiếc xe đợi sẵn sàng ở cửa nhà, còn chính nàng ngồi ở nhà sau nấu nướng bánh mứt. Chồng nàng đi đến đứng ở cửa, thấy vậy, một lão bộc trình bà chủ rằng có một Tỷ-kheo ở cửa. Nàng bảo:

– Hãy ra chào vị ấy và bảo vị ấy qua nhà khác!

Nhưng dù ông ta đã làm vậy nhiều lần, ông ta thấy vị Tỷ-kheo vẫn đứng yên nên lại trình bà chủ. Nàng bước ra, vén tấm rèm lên nhìn và kêu lớn:

– Ồ, đây là cha bầy trẻ con tôi!

Nàng bước ra chào ông, vừa cầm lấy bình bát vừa mời ông bước vào. Nàng đem thực phẩm cúng dường. Khi ông đã ăn xong, nàng lại kính lễ và nói:

– Thưa Tôn giả, nay Tôn giả là một bậc Thánh, trước kia chúng ta đã luôn chung sống cùng nhau trong ngôi nhà này. Song giờ đây, cuộc sống tại gia lại

không thể thiếu người chủ nhà. Vì vậy, chúng ta sắp dời qua nhà khác và đi xa về vùng quê. Xin Tôn giả hãy nhiệt tâm làm thiện sự và tha thứ cho thiếp nếu thiếp làm điều sai trái.

Trong một lúc, chồng cũ của nàng cảm thấy như thể trái tim tan vỡ. Rồi ông đáp:

– Ta không thể rời nàng, xin nàng đừng đi. Ta sẽ trở lại đời thế tục. Hãy đưa cho ta y phục của người cư sĩ tại chỗ nọ, ta sẽ bỏ y bát và trở về với nàng!

Nàng đồng ý ngay. Khi vị Tỷ-kheo về tinh xá, trả bộ y bát lại cho các vị giám hộ và Giáo thọ sư. Khi được hỏi lý do, ông giải thích là ông không thể rời vợ và sắp trở lại đời thế tục. Dù ông không muốn, các vị ấy vẫn dẫn ông đến bậc Đạo sư và kể cho Ngài nghe rằng ông thối thất và muốn trở về đời thế tục. Bậc Đạo sư hỏi:

– Chuyện này có thật chăng?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Ai làm cho ông thối thất?

– Vợ cũ của con, bạch Thế Tôn.

– Này Tỷ-kheo, nữ nhân ấy là nguyên nhân gây ác nghiệp của ông. Chính vì người ấy mà ngày xưa ông đã sa đọa khỏi bốn cảnh giới thiền định và rất khốn khổ. Sau nhờ Ta, ông được giải thoát cảnh khổ và tái tạo công năng thiền định mà ông đã mất.

Rồi Ngài kể câu chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh làm con trai vị tế sư hoàng gia và bà vợ vị ấy cũng là nữ nhân Bà-la-môn. Vào ngày ngài ra đời, có làn ánh sáng của binh khí lóe sáng khắp kinh thành, vì thế ngài được đặt tên Jotipāla (Hộ Minh, người hộ trì ánh sáng).

Khi lớn lên, ngài học đủ mọi ngành nghề nghệ thuật tại Takkasilā và chứng tỏ tài năng trước vua. Nhưng ngài lại từ giã địa vị của ngài không báo cho ai biết, ngài ra đi bằng cổng sau, vào rừng trở thành vị khổ hạnh ở thảo am Kaviṭṭhaka, được gọi là Sakkadattiya. Ngài chứng đắc thiền định viên mãn.

Trong khi trú tại đó, hàng trăm vị trí giả đến tham kiến hầu cận ngài. Ngài được một hội chúng đông đảo theo học và bảy đại đệ tử. Trong số ấy, trí giả Sālissara rời thảo am Kaviṭṭhaka để đến xứ Suraṭṭha và trú bên bờ sông Sātodikā cùng hội chúng vài ngàn trí giả khác. Meṇḍissara cùng vài ngàn trí giả sống gần thị trấn Lambacūḷaka trong quốc độ của Vua Pajaka. Pabbata cùng vài ngàn trí giả sống trong một xứ ở miền rừng núi. Kāḷadevala cùng vài ngàn trí giả sống trong núi rừng ở Avanti và Dekkan. Kisavaccha sống độc cư ở gần kinh thành Kumbhavatī trong ngự viên của Vua Daṇḍaki. Anusissa là thị giả của Bồ-tát ở

chung với ngài. Nārada, em của Kāḷadevala, sống độc cư trong thạch thất giữa dãy núi Arañjaragiri ở Majjhimadesa.

Bấy giờ, không xa núi Arañjaragiri có một thị trấn rất trù phú. Thị trấn này có con sông cả, nơi nhiều đàn ông đến tắm. Dọc theo bờ, các kỹ nữ xinh đẹp thường ngồi quyến rũ đám mày râu.

Vị khổ hạnh Nārada thấy một nàng kỹ nữ, đâm ra si tình, mất hết thiền lực và héo mòn vì không ăn uống gì cả, cứ nằm dài trong lưới tình trói buộc suốt bảy ngày liền. Vị huynh trưởng Kāḷadevala nhờ quan sát biết nguyên nhân việc kia, liền phi hành qua không gian vào đến động. Nārada thấy vị ấy liền hỏi tại sao đến đây. Vị ấy đáp:

– Ta biết hiền đệ bị bệnh nên đến chăm sóc đệ đây.

Nārada nói dối bảo vị ấy đi về:

– Đại huynh chỉ nói chuyện không đâu, toàn là hư vọng, hão huyền.

Nhưng vị kia từ chối ra đi và còn đem theo ba vị Sālissara, Meṇḍissara và Pabbata đến đó nữa. Nārada lại bảo tất cả ra về theo cách trên. Kāḷadevala liền bay đi tìm Đạo sư Sarabhaṅga và dẫn thầy đến đó. Khi bậc Đạo sư đến, ngài thấy Nārada đã rơi vào lưới kiềm tỏa của tham dục và hỏi có đúng vậy không. Nārada đứng lên nghe lời ngài, kính lễ thầy và thú nhận sự việc. Bậc Đạo sư bảo:

– Này Nārada, ai rơi vào lưới tham dục sẽ suy tàn trong khổ đau ở đời này và đời sau bị tái sanh vào địa ngục.

Rồi ngài ngâm vần kệ đầu:

60. Người nào tuân lệnh dục tham,
Mất hai thế giới, đời tàn về sau.

Nghe vậy, Nārada đáp:

– Bạch Tôn sư, mưu cầu tham dục là hạnh phúc. Tại sao Tôn sư lại gọi hạnh phúc ấy là khổ đau?

Đạo sư Sarabhaṅga đáp:

– Vậy hãy nghe đây!

Rồi ngài ngâm vần kệ thứ hai:

61. Hân hoan cùng với khổ đau,
Vẫn thường giẫm bước lên nhau chẳng ngừng.
Con từng thấy chúng chuyển luân,
Hãy tìm hạnh phúc thật chân nhiệm mầu!

Nārada đáp:

– Bạch Tôn sư, khổ đau này thật khó chịu đựng. Con không thể kham nhẫn nó được.

Bậc Đại sĩ bảo:

– Này Nārada, khi khổ đau đến cần phải chịu đựng.

Rồi ngài ngâm vần kệ thứ ba:

62. Người nào kham nhẫn đối đầu,
Gian lao nhiếp phục khổ sầu bao phen.
Là người vững mạnh tiến lên,
Niết-bàn cực lạc, dứt phiền não xưa.

Song Nārada vẫn đáp:

– Bạch Tôn sư, hạnh phúc của dục tình là hạnh phúc tối cao, con không thể nào rời bỏ nó được.

Bậc Đại sĩ bảo:

– Không thể vì bất cứ lý do gì mà ta từ bỏ giới hạnh.

Rồi ngài ngâm vần kệ thứ tư:

63. Con đừng phá hủy tiêu ma,
Quãng đời thanh hạnh, sa đà công năng.
Chỉ vì dục vọng, tham, sân,
Cầu mong lợi dưỡng, đau buồn nhỏ, to.

Sau khi Đạo sư Sarabhaṅga đã tuyên thuyết Chánh pháp qua bốn vần kệ, trí giả Kāḷadevala muốn khuyến giáo tiểu đệ liền ngâm vần kệ thứ năm:

64. Biết đời phiền lụy âu lo,
Thức ăn uống phải phát cho nhiều người.
Chẳng ham tích trữ tiền tài,
Chẳng sầu khi chúng hết thời tiêu tan.

Vần kệ thứ sáu do bậc Đạo sư ngâm phát xuất từ trí tuệ tối thắng của Ngài liên hệ đến lời khuyến giáo của Kāḷadevala đối với Nārada:

65. Deva Trí giả hắc nhân,
Giờ đây khuyên nhủ khôn ngoan nhất đời.
Ta không hề thấy có người,
Kém hơn kẻ chịu vâng lời dục tham.

Sau đó, Thánh giả Sarabhaṅga cảnh báo:

– Này Nārada, hãy nghe đây! Kẻ nào trước tiên không muốn làm những gì đáng làm, về sau sẽ kêu khóc than van như chàng trai đi vào rừng thuở xưa.

Rồi ngài kể một câu chuyện quá khứ.

***

Ngày xưa, trong một thị trấn ở thành Kāsi có một thanh niên Bà-la-môn đẹp trai, mạnh khỏe, lực lưỡng như voi. Chàng suy nghĩ: "Tại sao ta phải nuôi cha mẹ bằng cách làm ruộng, hoặc phải lấy vợ sinh con, hoặc làm các thiện sự nọ kia? Ta chẳng muốn nuôi ai hoặc làm thiện sự gì cả, mà ta chỉ muốn vào rừng nuôi bản thân bằng cách săn nai."

Thế rồi, với năm thứ vũ khí, chàng vào Tuyết sơn giết nai ăn thịt rất nhiều. Ở vùng Tuyết sơn, chàng thấy một thung lũng rộng lớn tứ bề có núi bao bọc, bên cạnh bờ sông Vidhavā, chàng liền sống ở đó với thịt thú săn được và nấu trên than hồng. Chàng lại suy nghĩ: "Ta sẽ không được khỏe mạnh mãi đâu, khi ta già yếu, ta sẽ không phiêu bạc trong rừng. Nay ta muốn bắt nhiều loại thú hoang vào trong thung lũng này, làm cổng rào lại và chẳng cần phải lang thang trong rừng nữa, ta sẽ giết chúng và ăn thỏa thích." Và chàng đã làm như vậy.

Thời gian trôi qua, chính điều ấy phải xảy ra, mọi thực tế của cuộc đời xuất hiện, chàng không còn sức điều khiển nổi tay chân, chàng không thể đi lại tự do đây đó, chàng không thể tìm được thức ăn uống, thân thể gầy gò khô héo như một bóng ma, lộ rõ mọi nếp nhăn nheo khắp mình như mặt đất mùa nắng. Chàng trở nên dị tướng, nhăn nheo, rã rời và vô cùng khổ sở.

Cũng như chàng kia, theo thời gian, vua nước Sivi mệnh danh là Sivi, ước mong hưởng món thịt rừng nướng trên than hồng trong rừng già, liền giao phó quốc độ cho các đại thần, đem theo năm món vũ khí đi vào rừng săn nai để ăn thịt. Vừa lúc vua đến chỗ ấy liền thấy người kia. Dù sợ hãi, vua cũng cố thu hết can đảm hỏi người kia là ai. Chàng đáp:

– Tâu Chúa công, tôi là một bóng ma đang hưởng nghiệp quả do tôi đã tạo. Thế Chúa công là ai?

– Ta là vua nước Sivi.

– Tại sao Chúa công đến đây?

– Để ăn thịt nai.

– Tâu Đại vương, tôi đã trở thành con ma trên đời vì tôi đã đến đây với mục đích ấy.

Rồi chàng kể đầy đủ chi tiết câu chuyện của chàng và để giải thích nỗi bất hạnh của mình, chàng ngâm các vần kệ cuối cùng:

66. Chính tôi đây, hỡi Quân vương,
Khác nào giữa chốn đấu trường địch quân.
Công lao, nghề nghiệp, tài năng,
Vợ con, nhà ở bình an một thời.
Đã tiêu tan hết cả rồi,
Tôi mang nghiệp quả ngay đời thế gian.

67. Giờ tôi tồi tệ muôn vàn,
Không người quyến thuộc, lang thang không nhà.
Từ đời chân chánh lạc xa,
Tôi như một cái bóng ma đọa đày.

68. Nay tôi phải sống cảnh này,
Vì tôi tạo khổ não thay vui mừng.

Quanh tôi như đám lửa bừng,
Tôi không cảm thấy trong lòng hân hoan.

Cùng với các vần kệ ấy, chàng nói thêm:

– Tâu Đại vương, do ham muốn dục lạc nên tôi đã tạo khổ đau cho nhiều loài khác và trở thành bóng ma ngay tại đời này. Xin Đại vương đừng gây ác nghiệp, xin hãy trở về kinh đô của Đại vương và thực hành thiện sự, bố thí cùng các phước nghiệp khác!

Nhà vua làm theo lời ấy và hoàn thành con đường lên thiên giới.

Vị khổ hạnh xúc động vì lời tường thuật của Đạo sư Sarabhaṅga về câu chuyện trên. Vị ấy được cảm hóa, rồi sau khi kính lễ Tôn sư và được ngài tha thứ, nhờ các pháp môn chơn chánh, vị ấy tái tạo năng lực thiền định đã mất. Đạo sư Sarabhaṅga không cho phép đệ tử ở lại đó nữa và đưa vị ấy cùng ngài về thảo am xưa.

***

Sau pháp thoại, bậc Đạo sư tuyên thuyết các sự thật. Lúc kết thúc các sự thật, vị Tỷ-kheo thối thất đã được an trú vào Sơ quả (Dự lưu).

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, Nārada là Tỷ-kheo thối thất này, Sālissara là Sāriputta (Xá-lợi-phất), Meṇḍissara là Kassapa (Ca-diếp), Pabbata là Anuruddha (A-na-luật-đà), Kāḷadevala là Kaccāna (Ca-chiên-diên), Anusissa là Ānanda (A-nan), Kisavaccha là Moggallāna (Mục-kiền-liên) và Đạo sư Sarabhaṅga chính là Ta.

§424. CHUYỆN NGỌN LỬA ĐỐT CHÁY (*Ādittajātaka*)[8] (*J.* III. 469)

Thứ gì ta cứu thoát ra...

Bậc Đạo sư kể chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về lễ vật cúng dường tối thượng. Lễ vật cúng dường tối thượng này được miêu tả đầy đủ trong *Chú giải Kinh Đại Điển Tôn.*[9]

Ngày hôm sau lễ cúng dường ấy, Tăng chúng bàn luận trong pháp đường:

– Này các Hiền giả, vua xứ Kosala sau khi xem xét kỹ đã tìm được phước điền chính đáng, và cúng dường lễ vật tối thượng lên hội chúng do đức Phật đứng đầu.

Bậc Đạo sư đến và được kể lại đề tài câu chuyện trong lúc các vị ngồi đây, Ngài bảo:

– Này Tỷ-kheo, không lạ gì việc nhà vua sau khi quan sát kỹ đã cúng dường

[8] Xem *S.* I. 20, *Sādhusutta* (*Kinh Lành thay*); *S.* I. 31, *Ādittasutta* (*Kinh Thiêu cháy*); *A.* I. 156, *Dutiyadvebrāhmaṇasutta* (*Kinh Hai Bà-la-môn thứ hai*).

[9] *DA.* II. 467, *Mahāgovindasuttavaṇṇanā* (*Chú giải Kinh Đại Điển Tôn*), số 19.

đại lễ vật vào phước điền vô thượng ở đời, các trí nhân ngày xưa cũng đã cúng dâng lễ vật như thế sau khi quan sát kỹ.

Rồi Ngài kể một câu chuyện ngày xưa.

***

Ngày xưa, Vua Bharata trị vì tại Roruva trong quốc độ Sovīra. Vua thực hành thập vương pháp, thu phục nhân tâm bằng tứ nhiếp pháp, đối xử với quần chúng như cha mẹ đối với con, ban phát rộng rãi cho người nghèo, lữ hành, khất thực và những người đến cầu xin. Chánh hậu của ngài là Samuddavijayā đầy trí tuệ thông thái.

Một hôm, ngài nhìn quanh các bố thí đường và suy nghĩ: "Tặng vật của ta đều bị đám tham lam vô dụng ngốn ngấu cả. Ta không thích như vậy. Ta muốn cúng dường những vị Độc Giác Phật đức hạnh xứng đáng lễ vật tối thượng. Các vị hiện sống ở vùng Tuyết sơn. Ai sẽ đem các vị ấy về đây theo lời thỉnh cầu của ta và ta sẽ nhờ ai lãnh sứ mạng này?"

Ngài nói chuyện với hoàng hậu, bà đáp:

– Tâu Chúa thượng, không nên quan tâm lo lắng. Cứ gửi hoa đi, nhờ uy lực các lễ vật cúng dường xứng đáng của ta, nhờ đức độ và lòng thành tín của ta, ta sẽ thỉnh cầu các vị Độc Giác Phật và khi các vị đến, chính ta sẽ cúng dường lễ vật cùng các món cần thiết.

Vua đồng ý. Ngài ra lệnh đánh trống khắp kinh thành rằng tất cả dân chúng trong thành phải giữ giới, còn chính ngài và toàn thể hoàng gia đều giữ mọi phận sự của ngày trai giới, thực hành đại bố thí.

Ngài truyền đem đến một chiếc hộp bằng vàng đựng đầy hoa lài, từ hoàng cung bước xuống và đứng giữa triều đình. Tại đó, ngài phủ phục với năm phần chạm xuống đất, đảnh lễ về phương Đông và tung vãi nắm hoa cùng những lời nguyện:

– Đệ tử xin đảnh lễ các Thánh giả ở phương Đông. Nếu đệ tử có chút công đức nào, xin các vị tỏ lòng từ bi thâu nhận các lễ vật này.

Vì không có các vị Độc Giác Phật ở phương Đông nên hôm sau không vị nào đến. Ngày thứ hai, ngài lại đảnh lễ phương Tây nhưng cũng không ai đến. Ngày thứ ba, ngài lại đảnh lễ phương Bắc và sau khi đảnh lễ, ngài tung bảy nắm hoa cùng lời nguyện:

– Ước mong các vị Độc Giác Phật ở vùng Tuyết sơn thâu nhận các lễ vật cúng dường này!

Các hoa ấy bay đi xa, rơi trên mình năm trăm vị Độc Giác Phật ở động Nandamūla. Sau khi quan sát, các vị hiểu rằng quốc vương đã thỉnh cầu các vị. Vì thế, các vị gọi bảy vị trong số đó lại bảo:

– Này các Tôn giả, vua thỉnh cầu các vị, xin hãy bày tỏ đặc ân cho ngài!

Các vị Độc Giác Phật này du hành qua không gian và hạ xuống hoàng môn. Khi thấy các vị, vua hân hoan đảnh lễ, mời các vị lên thượng lầu, tỏ lòng tôn kính trọng thể và cúng dường các lễ vật.

Sau buổi thọ thực, ngài lại mời các vị hôm sau và cứ thế đến ngày thứ năm, vua thiết đãi suốt sáu ngày. Vào ngày thứ bảy, ngài chuẩn bị cúng dường mọi vật dụng cần thiết, sắp đặt bảo tòa và cẩm đôn chạm vàng rồi đặt trước bảy vị Độc Giác Phật các bộ ba y cùng các món ăn cần thiết của đời Thánh nhân.

Quốc vương cùng hoàng hậu trân trọng cúng dường các thứ này sau buổi thọ thực và đứng cung kính đảnh lễ. Tùy hỷ với công đức này, vị Trưởng lão của hội chúng ngâm hai vần kệ:

69. Thứ gì ta cứu thoát ra,
Lửa đang đốt cháy nhà ta rụi dần.
Những gì sót lại sau cùng,
Sẽ còn đó mãi riêng phần ta thôi.

70. Thế gian bừng cháy khắp nơi,
Sanh, già, bệnh, chết làm mồi lửa nhanh.
Cứu mình bằng các thiện hành,
Cúng dường, bố thí để dành thật chân.

Như vậy, bằng cách bày tỏ niềm hoan hỷ, vị Trưởng lão khuyến giáo vua tinh cần giữ đức hạnh. Sau đó, vị ấy bay lên không gian, xuyên thủng qua góc nhọn của cung điện và hạ xuống động Nandamūla. Các vật dụng cần thiết đã được cúng dường đều bay lên theo vị ấy và hạ xuống động. Còn toàn thân quốc vương và hoàng hậu tràn đầy niềm hoan hỷ. Sau khi vị ấy ra đi, sáu vị kia lần lượt nói lời tùy hỷ công đức qua mỗi vần kệ.

71. Người nào bố thí chánh nhân,
Kiên cường dõng lực, tinh cần tịnh tâm.
Vượt dòng nước lũ Ma vương,
Đạt nơi an trú kim đường cõi thiên.

72. Thiện hành nào khác trận tiền,
Trước vài địch thủ, chạy liền ba quân.
Cúng dường với cả tín tâm,
Đời sau hưởng lạc là phần ngài thôi.

73. Người cho làm đẹp ý trời,
Khôn ngoan xứng đáng làm vơi nhọc nhằn.
Cúng dường mang quả hưng long,
Cũng như hạt giống gieo vùng phì nhiêu.

74. Ai không hề nói lắm điều,
Tránh làm ác nghiệp, hại nhiều chúng sanh.
Người đời gọi yếu, chê khinh,
Chính vì sợ hãi, giữ mình thanh lương.

75. Tạo nên phước nghiệp thông thường,
Tái sanh nhân thế, quân vương oai quyền.
Phước nhiều đạt đến cõi thiên,
Công năng tối thượng, đắc miền tịnh cư.

76. Phước là bố thí đem cho,
Tuy nhiên, giáo pháp lợi to muôn phần.
Xưa nay chứng tỏ bao lần,
Nhờ đây bậc trí đạt toàn lạc an.

Sau đó, các vị ra đi cùng với các vật dụng cần thiết đã được cúng dường. Còn vị Độc Giác Phật thứ bảy, trong lời tùy hỷ công đức ấy, tán thán Niết-bàn bất diệt với vua và giáo hóa ngài một cách cẩn trọng xong, liền trở về cảnh cũ như đã nói trên. Quốc vương và hoàng hậu thực hành bố thí suốt đời nên đã hoàn thành con đường lên thiên giới.

***

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư bảo:

– Như vậy, các bậc trí thời xưa bố thí cúng dường có phân biệt.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, các vị Độc Giác Phật đắc Niết-bàn, Samuddavijayā là mẫu thân Rāhula (La-hầu-la) và Vua Bharata chính là Ta.

§425. CHUYỆN NHỮNG SỰ KIỆN KHÔNG THỂ XẢY RA
(*Aṭṭhānajātaka*) (*J.* III. 474)

Làm sao lặng sóng Hằng hà...

Bậc Đạo sư kể lại chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo thối thất. Bậc Đạo sư hỏi vị ấy:

– Này Tỷ-kheo, có thật là ông đang thối thất?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Vì duyên cớ gì?

– Vì uy lực của dục tham.

– Này Tỷ-kheo, nữ nhân thật vô ơn, phản bội, không đáng tin cậy. Ngày xưa, các bậc trí không làm thỏa mãn một nữ nhân, thậm chí đã cho kẻ ấy một ngàn đồng tiền mỗi ngày. Một hôm, không nhận được một ngàn đồng tiền, kẻ ấy đã sai người lôi cổ họ quẳng ra ngoài. Nữ nhân là loài bạc nghĩa thế đấy. Ông đừng rơi mình vào uy lực của dục tham vì duyên cớ ấy nữa.

Rồi Ngài kể một câu chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Vương tử Brahmadattakumāra và Công tử Mahādhana, con của một phú thương ở Ba-la-nại, là bạn thân thiết cùng chơi với nhau và được giáo dục trong nhà một vị thầy. Vương tử lên ngôi khi vua cha băng hà và con vị phú thương vẫn ở gần vua mới.

Tại Ba-la-nại có một kỹ nữ sang trọng kiều diễm đang thời hưng thịnh. Con trai vị phú thương tặng nàng một ngàn đồng tiền mỗi ngày và thường xuyên hưởng lạc với nàng. Khi cha mất, chàng thừa kế tài sản và địa vị của cha nhưng cũng không rời bỏ nàng mà vẫn tiếp tục cho nàng một ngàn đồng tiền mỗi ngày.

Một hôm, chàng đi chầu vua vào buổi chiều. Trong lúc chàng đàm đạo với vua, mặt trời lặn và tối dần. Khi rời cung, chàng nghĩ: "Không còn thời giờ để về nhà rồi trở lại nữa, ta cứ đi thẳng đến nhà kỹ nữ ấy." Vì thế, chàng bảo đám hầu cận ra về và đi thẳng vào nhà một mình. Khi thấy chàng đến, nàng hỏi xem chàng có đem một ngàn đồng tiền không.

– Này ái nương, hôm nay ta ra trễ quá nên ta chỉ bảo đám hầu cận đi hết, chứ ta không về nhà, ta chỉ đến đây một mình nhưng ngày mai ta sẽ trao tặng nàng hai ngàn đồng tiền.

Nàng suy nghĩ: "Nếu ta tiếp đón chàng hôm nay, chàng sẽ đến tay không các ngày khác nữa và thế là ta mất dần của cải. Vậy ta không muốn tiếp chàng hôm nay nữa." Vì thế, nàng bảo:

– Thưa công tử, thiếp chỉ là một kỹ nữ, thiếp không ban đặc ân cho ai mà không có một ngàn đồng, vậy công tử hãy đem tiền lại đây!

– Ái nương ơi, ta sẽ tặng nàng gấp đôi số tiền ấy ngày mai đây.

Và chàng cứ van xin nàng như vậy mãi. Nàng kỹ nữ ra lệnh cho các nữ tỳ:

– Đừng để người ấy đứng đó mà nhìn ta. Hãy lôi cổ y kéo ra ngoài và đóng cửa lại!

Họ làm theo lời nàng. Chàng suy nghĩ: "Ta đã cho nàng tám trăm triệu đồng tiền, tuy thế chỉ một ngày ta đến tay không, nàng đã bảo chúng nắm cổ ta tống ra ngoài. Ôi, nữ nhân thật là độc ác, vô sỉ, vong ân, phản bội!"

Do vậy, chàng quan sát mãi về ác hạnh của nữ nhân cho đến khi chàng thấy chán ngán, ly tham và bất mãn với cuộc đời thế tục. Chàng suy nghĩ: "Tại sao ta phải sống đời thế tục? Ta muốn xuất gia hôm nay và thành người khổ hạnh."

Do vậy, chàng không trở về nhà nữa cũng không yết kiến vua nữa. Chàng rời kinh thành đi vào rừng. Chàng dựng thảo am bên bờ sông Hằng, cư trú tại đó như một ẩn sĩ khổ hạnh, đắc thiền định viên mãn và sống bằng củ quả rừng.

Vua nhớ bạn vắng mặt lâu ngày và đòi bạn vào chầu. Khắp kinh thành ai cũng biết rõ cách nàng kỹ nữ đối xử với chàng nên họ tâu vua vấn đề ấy và thêm:

– Tâu Đại vương, người ta bảo thân hữu của Đại vương vì tủi nhục đã không trở về nhà mà đã trở thành vị khổ hạnh sống trong rừng.

Vua truyền đưa nàng kỹ nữ vào và hỏi nàng xem chuyện nàng đối xử với thân hữu ngài có thật như vậy chăng. Nàng thú nhận.

– Này nữ nhân bạc ác kia, hãy mau đến nơi hiền hữu ta ở và đưa chàng về đây. Nếu không làm được việc ấy, ngươi phải bị mất mạng đấy!

Nghe lệnh vua, nàng sợ hãi, vội lên xe ra khỏi kinh thành cùng đoàn tùy tùng đông đảo. Nàng đi tìm nơi an trú và nghe lời đồn, nàng đến đó kính lễ và cầu xin:

– Bạch Tôn giả, xin hãy tha thứ lỗi lầm thiếp đã phạm trong lúc mù quáng ngu si. Thiếp quyết không tái phạm nữa.

– Được lắm, ta tha thứ cho nàng, ta không giận nàng đâu.

– Nếu Tôn giả tha thứ cho thiếp, xin hãy lên xe cùng thiếp. Chúng ta cùng trở về kinh thành và ngay khi vào thành, thiếp xin dâng ngài mọi tiền tài trong nhà thiếp.

Khi nghe vậy, ngài đáp:

– Này cô nương, ta không thể đi với cô nương bây giờ đâu, nhưng khi nào những chuyện chưa từng xảy ra trên đời này sẽ xảy ra thì có lẽ ta sẽ đi.

Rồi ngài ngâm vần kệ đầu:

77. Làm sao lặng sóng Hằng hà,
Như hồ sen nọ, sơn ca trắng ngần,
Cây đào sinh trái cau vân,
Thì điều như thế họa chăng có là!

Nhưng nàng lại nói:

– Mau lên, thiếp sắp đi rồi.

Ngài đáp:

– Ta sẽ đi.

– Khi nào?

– Vào thời như vầy, như vầy.

Ngài đáp và ngâm các vần kệ còn lại:

78. Bao giờ có đủ lông rùa,
Kết thành ba tấm áo đưa ta dùng,
Vào thời đông giá lạnh lùng,
Thì điều như thế họa chăng có là!

79. Bao giờ răng muỗi nhô ra,
Nàng xây cái tháp thật là khéo thay,
Tháp kia không thể chuyển lay,
Điều này chắc có cơ may, họa là!

80. Bao giờ sừng thỏ mọc ra,
Nàng làm thang đứng thật là khéo thay,

Bậc thang trèo đến tận mây,
Thì điều này có cơ may, hỡi nàng!

81. Bao giờ chuột nhắt leo thang,
Cùng nhau ăn hết mặt trăng sáng ngời,
Đem La-hầu xuống mặt trời,
Thì điều này hẳn có thời xảy ra!

82. Khi đàn ruồi uống từng vò,
Rượu nồng đầy đủ, tự do reo mừng,
Ẩn mình trong đám than bừng,
Thì điều như thế họa hoằn xảy ra!

83. Khi bầy lừa khéo điểm tô,
Môi hồng, mặt trắng làm trò khéo thay,
Trổ tài múa hát thật hay,
Điều này hẳn có cơ may, hỡi nàng!

84. Bao giờ quạ, cú từng đàn,
Cùng nhau tụ họp luận bàn riêng tư,
Tỏ tình âu yếm chuyện trò,
Điều này có thể xảy ra, hỡi nàng!

85. Bao giờ nhặt lá trên ngàn,
Từng cây rừng xuống kết làm dù che,
Chống mưa ồ ạt tứ bề,
Có cơ xảy đến điều kia, hỡi nàng!

86. Khi đàn chim sẻ cố mang,
Tuyết sơn đủ vẻ huy hoàng hùng anh,
Ngậm trong chiếc mỏ xinh xinh,
Họa may có thể sự tình xảy ra!

87. Khi chàng trai nhẹ đẩy đưa,
Chiếc thuyền buồm vượt biển xa ngàn trùng,
Với lòng can đảm anh hùng,
Điều này chắc hẳn mới mong, hỡi nàng!

Như thế, bậc Đại sĩ ngâm mười một vần kệ nêu rõ những sự kiện không thể xảy ra. Nàng kỹ nữ nghe xong, xin được ngài tha thứ và trở về Ba-la-nại. Nàng trình bày mọi việc với vua và xin tha mạng, vua liền ân xá cho nàng.

***

Sau pháp thoại, bậc Đạo sư bảo:

– Này các Tỷ-kheo, nữ nhân thật là vô ơn, phản bội như thế.

Rồi Ngài tuyên thuyết các sự thật. Khi kết thúc các sự thật, vị Tỷ-kheo thối thất đã được an trú vào Sơ quả (Dự lưu). Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, vua là Ānanda và vị khổ hạnh chính là Ta.

§426. CHUYỆN CON BÁO (*Dīpijātaka*) (*J.* III. 479)

Bác ơi, bác có được khang an...

Bậc Đạo sư kể lại chuyện này trong lúc trú tại Kỳ Viên về một con dê cái.

Một thời, Trưởng lão Moggallāna ở trong một am thất có một cửa, trong một vùng đất được rào và núi đồi bao bọc. Có một lối đi có mái che gần cửa am thất, nghĩ rằng chỗ ấy là tốt cho đàn dê tới lui nên họ lùa dê vào đó và sống thoải mái.

Một hôm, họ đến vào buổi chiều đem cả bầy dê đi nhưng có một con dê cái đã lang thang quá xa, không thấy bầy dê ra đi và bị bỏ lại một mình. Sau đó, khi nó ra đi, một con báo thấy nó, muốn ăn thịt bèn đứng bên cửa của hàng rào. Dê cái nhìn quanh và thấy con báo. Dê suy nghĩ: "Báo đứng đó vì muốn giết ta và ăn thịt. Nếu ta quay đầu bỏ chạy, ta sẽ mất mạng. Vậy ta phải can đảm lên!" Rồi dê giương đôi sừng, vùng chạy thẳng trước mặt báo với tất cả dũng lực. Dê thoát được móng vuốt báo, dù con báo rung mình vì nó tưởng sẽ chụp được dê. Rồi chạy hết tốc lực, con dê bắt kịp cả đàn.

Vị Trưởng lão quan sát cách các con vật ấy đối xử với nhau. Hôm sau, vị ấy đi trình đức Như Lai:

– Bạch Thế Tôn, con dê cái đã đạt được một kỳ tích nhờ có sẵn mưu lược và thoát được con báo.

Bậc Đạo sư đáp:

– Này Moggallāna, lần này con báo không bắt được dê nhưng ngày xưa báo đã giết dê dù dê kêu lớn, rồi ăn thịt nó.

Và theo lời thỉnh cầu của Tôn giả Moggallāna, Ngài kể một chuyện đời xưa.

***

Ngày xưa, có thời Bồ-tát được sinh vào một làng ở quốc độ Magadha (Ma-kiệt-đà), trong một gia đình giàu có. Khi lớn lên, ngài từ bỏ tham dục và sống đời tu hành, đạt được thiền định viên mãn. Sau khi sống rất lâu ở Tuyết sơn, ngài đến Rājagaha (Vương Xá) để tìm muối và giấm, rồi về cư trú trong thảo am ngài đã dựng trong một thung lũng có rào chắn.

Giống như phần duyên khởi, các mục tử lùa bầy dê ra đi và cũng như trên. Một hôm, khi một dê cái đi ra chậm hơn bầy kia, một con báo đợi sẵn ở cửa, nghĩ cách ăn thịt nó. Khi con dê thấy con báo, nó suy nghĩ: "Đời ta tàn rồi, bằng một mưu kế nào đó ta phải dụ nó vào cuộc chuyện trò vui vẻ ân cần để làm dịu lòng nó và cứu mạng ta." Vừa đứng từ xa bắt đầu nói chuyện thân thiện với con báo, dê ngâm vần kệ đầu:

88. Bác ơi, bác có được khang an,
Và bác lâu nay mạnh khỏe chăng?

Mẹ cháu nhắn đưa lời kính hỏi,
Cháu mong cùng bác kết thân bằng!

Nghe vầy, báo suy nghĩ: "Con bé này muốn đánh lừa ta bằng cách gọi ta là bác, nó không biết ta hung dữ ra sao cả." Vì thế, báo ngâm vần kệ thứ hai:

89. Cô giẫm đuôi ta đấy, bé dê,
Và làm ta phải bị đau ghê,
Tưởng rằng nhờ gọi ta là bác,
Cô được tự do để trở về!

Khi nghe nói vậy, dê đáp:

– Thưa bác, xin đừng nói như vậy.

Và nó ngâm vần kệ thứ ba:

90. Tôi đi phía trước mặt, thưa ngài,
Ngài vẫn ngồi kia đối diện tôi,
Đuôi của ngài nằm sau phía ấy,
Làm sao tôi lại giẫm lên đuôi?

Báo đáp:

– Này dê cái, cô nói gì vậy? Có nơi nào lại không có đuôi của ta trải ra chứ?

Và nó ngâm vần kệ thứ tư:

91. Suốt cả trong toàn bốn đại châu,
Với sông hồ biển núi non cao,
Đuôi ta trải rộng ra cùng khắp,
Sao cẳng dê không giẫm nó nào?

Khi nghe vầy, dê cái nghĩ: "Con ác thú này không bị lời ngon ngọt quyến rũ. Vậy ta sẽ đáp lại nó như một kẻ thù." Rồi dê ngâm vần kệ thứ năm:

92. Ta biết đuôi ông ác thật dài,
Vì ta đã được báo tin rồi,
Anh em cha mẹ đều khuyên bảo,
Lúc trước ta bay bổng giữa trời!

Báo lại nói:

– Ta biết cô đã bay giữa trời nhưng khi cô đến, cô đã làm hỏng miếng mồi của ta bằng cách đáp xuống ấy!

Rồi báo ngâm vần kệ thứ sáu:

93. Bóng dáng cô dê ở giữa trời,
Bay qua không khí ấy mà thôi,
Đã làm kinh sợ đàn nai nọ,
Vì thế mồi ta bị hỏng rồi!

Nghe vầy, dê sợ chết không còn có thể tìm cớ nào khác nữa, liền kêu lớn:

– Bác ơi, xin đừng phạm một việc ác độc như thế, xin tha mạng cháu đi!

Nhưng dù dê kêu lớn, báo vẫn chụp vai, giết chết và ăn thịt dê.

94. Chính dê kêu lớn để cầu ân,
Song máu thịt kia mới thỏa lòng,
Dã thú chụp dê vào cổ họng,
Ác nhân không tỏ chút ân cần.

95. Kẻ ác không sao biết tỏ ra,
Ân tình, chánh hạnh, tránh đường tà,
Nó thù ghét những người lương thiện,
Thượng sách là nên xáp lá cà!

Đây là hai vần kệ phát xuất từ trí tuệ tối thắng của bậc Giác ngộ.

Một vị Thánh nhân khổ hạnh chứng kiến tất cả câu chuyện của hai con thú này.

***

Sau pháp thoại, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Thời ấy, con dê cái và con báo là con dê cái và con báo bây giờ, còn vị Thánh nhân khổ hạnh chính là Ta.